

Phụ lục VI /Appendix VI

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN
HOA AN JOINT STOCK COMPANY

Số: 68/CV-CTY

No: 68/CV-CTY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Đồng Nai, ngày 11 tháng 04 năm 2025

Dong Nai, date 11 month 04 year 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

1. Tên công ty niêm yết/ Name of company: CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN/HOA AN JOINT STOCK COMPANY

- Địa chỉ trụ sở chính/ Address of headoffice: KP Cầu Hang, P. Hóa An, TP. Biên Hòa, Đồng Nai/ Cau Hang Hamlet, Hoa An Ward, Bien Hoa City, Dong Nai.

- Điện thoại/Telephone: 02513954458 , Email: info@hoaan.com.vn

- Mã chứng khoán/Stock symbol: DHA

2. Nội dung thông tin công bố/ Information disclosure content:

- Báo cáo thường niên năm 2024 / Annual Report year 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 11/04/2025 tại đường dẫn: <http://hoaancom.vn> mục quan hệ cổ đông/thông tin cổ đông /năm 2025/Thông báo mời họp và Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025/ / This information was published on the company's website on January 21, 2025 at the link: <http://hoaancom.vn> shareholder relations/ Shareholder information /2025/ Meeting Invitation Notification and documents of the 2025 AGM.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ We hereby commit that the information published above is true and take full legal responsibility for the content of the published information.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2024/
Annual Report year 2024.

Đại diện tổ chức
Represent of organization

Người UQ CBTT

Authorized To Report And Disclose Information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name and seal - if any)



Trần Quốc Trung

CÔNG
TY CỔ
PHẦN
HÓA
AN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN HÓA AN
DN: C=VN, S=ĐỒNG NAI, L=Thành
Phố Biên Hòa, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN HÓA AN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=M
ST:360046464
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2025.04.11 08:29:11
Foxit PhantomPDF Version: 9.0.1



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 04 năm 2025.

BÁO CÁO
Thường niên năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600464464 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần thứ 13 ngày 28/03/2024.
- Vốn điều lệ : 151.199.460.000
- Vốn chủ sở hữu : 470.446.189.023 (31/12/2024)
- Địa chỉ : 20C, KP Cầu Hang, P. Hóa An, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: 0251.3954458 – 0251.3954491 - Số fax :
- Website: hoaan.com.vn
- Mã cổ phiếu : DHA
- Quá trình hình thành và phát triển:

1980	Thành lập Xi nghiệp đá Hóa An, trực thuộc Bộ Xây dựng, Công suất thiết kế ban đầu 50.000 m ³ đá các loại.
1984	Nâng sản lượng khai thác lên 200.000 m ³ /năm.
1994	Nâng công suất khai thác từ 200.000 m ³ /năm thành 500.000 m ³ /năm.
1995	Đổi tên thành Công ty khai thác đá và vật liệu xây dựng Hóa An, trực thuộc Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1.
1998	Thành lập thêm Xi nghiệp 2 khai thác đá tại xã Suối Trầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, mỏ có trữ lượng 5,5 triệu m ³ và có khả năng khai thác 200.000 m ³ /năm.
1999	Công ty nhận chuyển nhượng lại quyền khai thác mỏ Núi Gió, Tỉnh Bình Phước, có công suất khai thác 250.000 m ³ /năm.
2000	Chuyển thành công ty cổ phần với vốn điều lệ 25 tỷ đồng, là một trong những doanh nghiệp đầu tiên của Bộ xây dựng tiến hành cổ phần hóa toàn bộ Công ty.
2001	UBND Tỉnh Đồng Nai cấp phép cho Công ty nâng công suất khai thác lên 1.000.000 m ³ /năm tại mỏ Đá Hóa An tới năm 2010.

2004	<i>Cổ phiếu Công ty (DHA) chính thức giao dịch tại Sở GDCK TP.HCM. Vốn điều lệ là 38,5 tỷ đồng.</i>
2006	<i>Sản lượng sản xuất công nghiệp của Công ty đạt 1.230.000 m³, tổng doanh thu đạt 83,9 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 22,6 tỷ đồng.</i>
2007	<i>UBCKNN chấp thuận phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn lên thành 100.996.700.000 VND.</i>
2008	<i>Được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tặng bằng khen và được chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng nhất.</i>
2009	<i>Bộ Xây dựng tặng cờ Đơn vị thi đua xuất sắc ngành xây dựng. Công đoàn xây dựng Việt Nam tặng cờ Đơn vị hoạt động công đoàn xuất sắc.</i>
2010	<i>Bộ Xây dựng tặng cờ Đơn vị thi đua xuất sắc ngành xây dựng. Công đoàn xây dựng Việt Nam tặng cờ Đơn vị hoạt động công đoàn xuất sắc. Đơn vị có Báo cáo thường niên tốt nhất tại cuộc bình chọn BCTN năm. UBCKNN chấp thuận phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn lên thành 151.199.460.000 VND.</i>
2011	<i>Năm 2005 triển khai đền bù giải phóng mặt bằng dự án mỏ đá Núi Gió, xã Tân Lợi huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, chính thức đi vào hoạt động khai thác sản xuất tháng 01 năm 2011.</i>
2011	<i>Năm 2009 triển khai đầu tư dự án mỏ đá Tân Cang 3, chính thức đi vào hoạt động khai thác sản xuất tháng 3 năm 2011.</i>
2011	<i>Năm 2008 triển khai đầu tư dự án mỏ đá Thạnh Phú 2, chính thức đi vào hoạt động khai thác sản xuất tháng 10 năm 2011.</i>
2017	<i>Bộ Xây dựng tặng cờ Đơn vị thi đua xuất sắc ngành xây dựng.</i>

- Các sự kiện khác :không

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác và chế biến khoáng sản (đá, cát, sỏi, đất sét)

- Địa bàn kinh doanh:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN TẠI BIÊN HÒA

(mỏ đá Tân Cang 3).

Địa chỉ: Phường Tam Phước , Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN TẠI VĨNH CỬU

(mỏ đá Thạnh Phú 2).

Địa chỉ: Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.

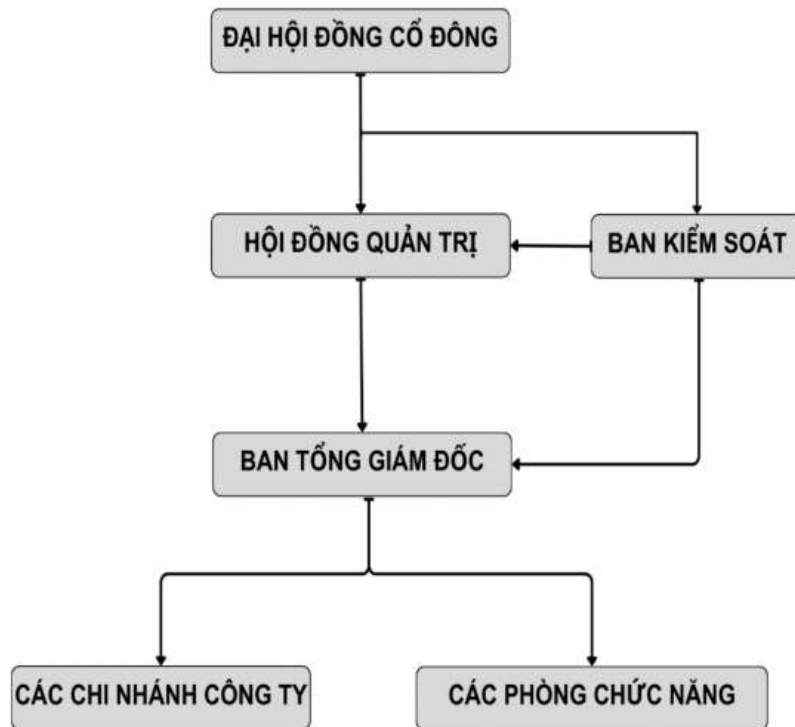
CHI NHÁNH CÔNG TY CP HÓA AN TẠI BÌNH PHƯỚC

(mỏ đá Núi Gió 2).

Địa chỉ: Xã Tân Lợi, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

Mô hình quản trị : Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.



Cơ cấu bộ máy quản lý :

- └ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.
- └ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.
- └ GIÁM ĐỐC CÁC CHI NHÁNH CÔNG TY, TRƯỞNG CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG.

- Các công ty con, công ty liên kết :

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định.

Địa chỉ: Lô E, đường số 2B, Khu CN Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, Bình Dương.

Vốn điều lệ thực góp: 8,46 tỷ đồng (tỉ lệ: 28,13%)

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:

Mã Ngành

- 0810 Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh vật liệu xây dựng (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản)
- 2511 Sản xuất các cấu kiện kim loại
Chi tiết: Công nghiệp sản xuất máy móc, phụ tùng, đường ống cấp thoát nước. (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)
- 2592 Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
Chi tiết: Sản xuất, phục hồi các loại khuôn mẫu (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :Cung cấp các sản phẩm đạt qui chuẩn, chất lượng tốt, giá cả hợp lý. Đa dạng hóa sản phẩm theo nhu cầu thị trường, củng cố năng lực kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Phát triển toàn diện về tài chính, nguồn nhân lực, công nghệ sản xuất tiên tiến, bảo vệ môi trường, nâng cao mức sống và chế độ đãi ngộ đối với người lao động. Chia sẻ thành quả vật chất và tinh thần với cộng đồng và xã hội.

Góp phần tạo nên sự gắn kết và nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng, mang lại sự phồn vinh cùng đất nước, phấn đấu là một công ty luôn có trách nhiệm về mặt xã hội và môi trường.

- *Chiến lược phát triển trung và dài hạn:*

Xây dựng và phát triển thương hiệu là một doanh nghiệp khai thác và sản xuất đá xây dựng chất lượng hàng đầu tại khu vực phía Nam.

Xây dựng cơ cấu kinh tế công ty bền vững xoay quanh lĩnh vực: khai thác và sản xuất đá xây dựng, nghiên cứu lĩnh vực bất động sản, cơ sở hạ tầng là những ngành nghề liên quan đến tiêu thụ sản phẩm đá xây dựng của công ty.

Củng cố và nâng cao chất lượng quản trị, vận hành, sẵn sàng nguồn lực cho mục tiêu tăng trưởng bền vững.

- *Các mục tiêu phát triển bền vững:*

Lĩnh vực hoạt động của công ty là khai thác và chế biến đá xây dựng, ảnh hưởng tới môi trường do bụi từ hoạt động khai thác, chế biến đá gây ra, nên công ty có ý thức phải gắn liền với việc bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động. Đây là yếu tố tiên quyết trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Các hoạt động của Công ty được thực hiện theo đúng qui định về đảm bảo vệ sinh môi trường, trên hiện trường sản xuất luôn có xe tưới nước chống bụi trên các cung đường vận chuyển, tại các trạm nghiền đá được trang bị đầy đủ hệ thống phun sương chống bụi. Nước xả thải từ moong khai thác (nguồn nước phát sinh tại mỏ đá là nước mưa và nước ngầm xuất lộ), được bơm lên trên xử lý qua hố lắng, trước khi xả ra ngoài. Bên cạnh đó, việc quản lý và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, có khả năng ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai được thu gom đúng nơi qui định để xử lý, không phát tán ra môi trường.

Định kỳ hàng năm Công ty tiến hành ký hợp đồng đo đạc các thông số về môi trường với đơn vị có chức năng của Nhà nước. Các chỉ số đều nằm trong giới hạn tiêu chuẩn ATVSLĐ.

Công ty tiến hành các hoạt động nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động như: hướng dẫn sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, về các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh thường xuyên nơi làm việc, hạn chế tối đa sử dụng chai nhựa, huấn luyện an toàn sử dụng tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu trong sản xuất...

Tiết kiệm năng lượng (điện, nhiên liệu đầu vào) vừa đảm bảo an ninh năng lượng cho quốc gia, vừa có thể đảm bảo hiệu quả quản lý chi phí cho doanh nghiệp.

Tiết kiệm nguồn tài nguyên nước: công ty sử dụng nguồn nước mưa tự nhiên và nước sông cho các hoạt động sản xuất.

**** Tác động lên môi trường đối với phát thải khí nhà kính:** Không có

5. Các rủi ro :

Năm 2025 dự báo tình hình thế giới cũng như trong nước còn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Việc thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2025 có thể đối diện với các rủi ro sau:

+ **Rủi ro thị trường:** thị trường khu vực mỏ đá Núi Gió 2 qui mô nhỏ, vị trí xa các trung tâm lớn, việc tiêu thụ khó khăn. Công ty cần tăng cường công tác tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường xa, áp dụng các chế độ khuyến mãi khách hàng nhằm đảm bảo cho kế hoạch tiêu thụ năm 2025.

+ **Rủi ro về biến động giá cả thị trường:** Chiến sự Nga -Ukraina chưa có dấu hiệu kết thúc, tình hình Trung đông vẫn đang bất ổn, đang ảnh hưởng đến toàn cầu, nguy cơ lạm phát, giá cả tăng cao, làm giá cả nguyên, nhiên, vật liệu ... đầu vào có thể biến động tăng ngoài dự kiến; giá bán sản phẩm đầu ra khó biến động tương ứng đầu vào sẽ ảnh hưởng tới doanh thu, lợi nhuận của công ty. Công ty cần tìm nhiều nguồn cung ứng các yếu tố đầu vào, tăng lượng khách hàng đầu ra để đảm bảo ổn định chi phí sản xuất và tổng doanh thu.

+ **Rủi ro nợ khó đòi:** Để đảm bảo sản lượng tiêu thụ, việc bán hàng phải kết hợp cả hai hình thức thanh toán trước và thanh toán sau. Thanh toán sau có tính rủi ro cao, nhưng đây là những đối tượng khách hàng chiếm tỉ trọng cao, việc xác định rõ, kỹ lưỡng về năng lực hoạt động và khả năng tài chính... của khách hàng là quan trọng, để đặt ra các hạn mức công nợ phù hợp, giảm thiểu tối đa rủi ro.

+ **Rủi ro về an toàn lao động:** trong ngành sản xuất khai thác đá, nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn là rất cao, khi xảy ra sẽ gây thiệt hại khó lường. Biện pháp: công tác an toàn lao động phải đặt lên hàng đầu trong sản xuất, thường xuyên tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng về an toàn lao động, tổ chức huấn luyện định kỳ nhằm nâng cao ý thức, nhận thức về an toàn lao động cho toàn thể người lao động. Trang bị trang thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ, đúng theo qui định, cải thiện điều kiện và môi trường làm việc.

+ **Rủi ro về pháp luật:** Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, nên chịu sự tác động trực tiếp của nhiều qui định pháp luật, về lĩnh vực khoáng sản, về đất đai, về môi trường, về thuế ... Sự thay đổi về pháp luật của Nhà nước, các qui định của địa phương, sẽ có ảnh hưởng đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh công ty. Công ty phải luôn theo dõi, cập nhật các thay đổi của chính sách pháp luật có liên quan, để điều chỉnh các hoạt động cho phù hợp pháp luật.

Để quản trị các rủi ro, Công ty luôn chủ động trong tích lũy nguồn lực tài chính, giảm chi phí sản xuất chung, tạo lợi thế cạnh tranh về giá cả, tìm kiếm các thị trường nhỏ lẻ khi thị trường khó khăn về tiêu thụ, giảm tối đa hàng tồn kho nhằm tiết kiệm chi phí di dời, lưu kho. Đối với các chính sách vĩ mô, luôn cập nhật thông tin để có các biện pháp thích ứng kịp thời.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ % TH2024 / TH2023	Tỷ lệ % TH2024 / KH2024
1. Tổng sản phẩm đá các loại tiêu thụ	m ³	2.201.128	1.410.000	1.677.623	76,2%	119,0%
2. Tổng doanh thu	1.000đ	390.020.554	267.500.000	309.366.590	79,3%	115,7%
2.1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.000đ	375.398.154	258.000.000	296.193.414	78,9%	114,8%
2.2- Doanh thu hoạt động tài chính	1.000đ	14.605.300	9.500.000	13.168.901	90,2%	138,6%

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ % TH2024 / TH2023	Tỷ lệ % TH2024 / KH2024
2.2- Doanh thu khác	1.000đ	17.100	-	4.275	25,0%	-
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	1.000đ	109.899.363	47.940.000	68.270.488	62,1%	142,4%
4. Tổng lợi nhuận sau thuế	1.000đ	87.053.668	38.352.000	51.706.620	59,4%	134,8%
5. Thu nhập theo SP b/quân/tháng/NLĐ	1.000đ	16.500	12.000	13.400	81,2%	111,7%
6. Cổ tức theo nghị quyết ĐHĐCĐ	%	50%	20% - 30%	15% +	-	-

(*) Cổ tức năm 2024: Đã tạm ứng đợt 1 là 15% bằng tiền mặt, tổng số tiền chi trả là 22.081.609.500 đồng chi trả vào ngày 14/02/2025. Việc chi trả tiếp theo sẽ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Tổ chức và nhân Sự

- Danh sách Ban điều hành:

1. ÔNG TRỊNH TIẾN BẢY

Năm sinh
Trình độ chuyên môn
Số lượng cổ phần

TV HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC

(miễn nhiệm ngày 13/03/2024)

1972
Th.s Quản trị kinh doanh; Kỹ sư Cơ khí thủy lợi
0 CP (0,0%) (27/3/2024)

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác, nơi công tác
Từ 1993 đến 1996	Phụ trách kỹ thuật đội cơ giới, Công ty xây dựng 48
Từ 1996 đến 1997	Phụ trách quản lý dự án, Công ty Việt Nam Fatt;
Từ 1997 đến 2002	Đội phó đội cơ giới, XN 1- Công ty cổ phần Hóa An
Từ 2002 đến 2004	Phó Giám đốc, Giám đốc XN 1 - Công ty cổ phần Hóa An
Từ 2004 đến 4/2012	Phó Tổng giám đốc Cty cổ phần Hóa An
Từ 5/2012 đến 6/2014	TV HĐQT - Phó Tổng giám đốc Cty cổ phần Hóa An
Từ 7/2014 đến 3/2024	TV HĐQT - Tổng giám đốc Cty cổ phần Hóa An
Từ 04/2017 đến 3/2024	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phước Hòa FICO
Từ 04-2019 đến 3/2024	TV HĐQT Công ty cổ phần CIC39

2. ÔNG NGUYỄN VĂN LƯƠNG

TV HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC

(Bổ nhiệm ngày 13/03/2024)

Năm sinh	1977
Trình độ chuyên môn	Th.s kinh tế, cử nhân quản trị kinh doanh
Số lượng cổ phần	137.740 CP (0,97%) (DS chốt ngày 14/3/2025)

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác, nơi công tác
08/1999 - 05/2009	Chuyên viên Phòng kế toán tài chính, Công ty CP Hóa An
06/2009 - 06/2010	Chuyên viên Phòng kế toán tài chính, TV-Ban kiểm soát, Công ty CP Hóa An
07/2010 - 06/2014	Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Hóa An tại Vĩnh Cửu
07/2014 - 05/2015	Phó Tổng giám đốc Cty cổ phần Hóa An, kiêm Giám đốc CN Cty CP Hóa An tại Vĩnh Cửu
06/2015 - 12/2016	Phó Tổng giám đốc Cty cổ phần Hóa An
01/2017 - 03/2024	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc Cty cổ phần Hóa An
04/2019 - Nay	TV HĐQT Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức
04/2021 - Nay	TV HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2
03/2024 - Nay	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc Công ty cổ phần Hóa An

3. ÔNG ĐỖ VĂN NGỌC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh	1979
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán, Kế toán trưởng

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác, nơi công tác
04/2003 - 07/2004	Nhân viên Phòng kế toán, Công ty CP Sứ Thiên Thanh
08/2004 - 04/2017	Nhân viên Phòng kế toán tài chính, Công ty CP Hóa An
05/2017 - 07/2021	Phó TP Kế toán Công ty CP Hóa An
08/2021 - Nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Hóa An

- Những thay đổi trong ban điều hành: (thay đổi trong Ban điều hành trong năm).

Ngày 13/03/2024 Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT về việc miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Trịnh Tiến Bảy, bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Văn Lương kể từ ngày 13/03/2024.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. tại thời điểm 31/12/2024 là 108 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a) Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2024 Công ty đầu tư mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa (mã CK: VLB), Tổng giá trị đầu tư là 149,45 tỷ đồng, số lượng 3.760.000 cổ phần = 8,01% Vốn Điều lệ (của VLB). Không phát sinh các khoản đầu tư dự án.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Tân Định đang hoạt động kinh doanh.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm/ %
Tổng giá trị tài sản	469.095.957.351	470.446.189.023	0,29%
Doanh thu thuần	375.398.153.999	296.193.414.952	-21,10%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	114.071.982.762	75.610.276.808	-33,72%
Lợi nhuận khác	(4.172.620.069)	(7.339.788.982)	-
Lợi nhuận trước thuế	109.899.362.693	68.270.487.826	-37,88%
Lợi nhuận sau thuế	87.053.668.250	51.706.620.002	-40,60%
Tỷ lệ lợi nhuận (ST) trả cổ tức	84,58%	85,42%	0,84%

(*) Cổ tức năm 2024: Đã tạm ứng đợt 1 là 15%/mệnh giá, bằng tiền mặt, tổng số tiền chi trả là 22.081.609.500 đồng, chi trả vào ngày 14/02/2025. Việc chi trả tiếp theo sẽ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	6,9	10,1	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	6,9	10,1	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	12,4%	9,19%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	14,2%	10,12%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	95	119	(Lần)
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	80,0%	62,9%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	23,2%	17,5%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	21,2%	12,1%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	18,6%	11,0%	
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	30,4%	25,5%	
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	5.530	3.512	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần phát hành: 15.119.946 cổ phần phổ thông, trong đó số lượng cổ phần lưu hành và chuyển nhượng tự do là 14.721.073 cổ phần, cổ phiếu quỹ là 398.873 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

(Theo DS cổ đông chốt ngày 13/03/2025, ngày ĐKCC 14/03/2025)

STT	Tên cổ đông	Phân loại CD	Số lượng cổ phần	Tỉ lệ sở hữu	Tỉ lệ biểu quyết
1	Tổng Cty VLXD số 1	Cổ đông lớn	3.588.343	23,73%	24,38%
2	La Mỹ Phụng	Cổ đông lớn	1.381.100	9,13%	9,38%
3	Nguyễn Tấn Lộc	Cổ đông nội bộ	1.105.746	7,31%	7,51%
4	Các cổ đông còn lại	Cổ đông < 5%	8.645.884	57,18%	58,73%
5	Cổ phiếu quỹ		398.873	2,64%	0%
		CỘNG	15.119.946	100%	100%
Phân loại khác					
1	2.375 cổ đông	Cá nhân trong nước	8.669.617	57,34%	58,89%
2	23 cổ đông	Tổ chức trong nước	4.613.433	30,51%	31,34%
3	264 cổ đông	Cá nhân nước ngoài	707.783	4,68%	4,81%
4	20 cổ đông	Tổ chức nước ngoài	730.240	4,83%	4,96%
5	Cổ phiếu quỹ		398.873	2,64%	0
TS	2.682 cổ đông	CỘNG	15.119.946	100%	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 398.873 CP.

e) Các chứng khoán khác: Xem tại Báo cáo tài chính kiểm toán

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không đáng kể.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Nguyên vật liệu công ty sử dụng là đá nguyên khai (đá học) chế biến ra sản phẩm đầu ra là đá 1x2, đá 0x4, đá Mi... Tổng khối lượng đầu vào và đầu ra là bằng nhau, năm 2024 Công ty chế biến sản xuất ra 1.677.623 m³ đá thành phẩm các loại, sản phẩm của công ty không phải đóng gói nên không sử dụng vật liệu đóng gói.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có nguyên vật liệu tái chế

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: trong năm 2024 toàn công ty sử dụng hết khoảng 5.610.576 KW điện, trị giá 12.343.268.010 đồng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: trong quá trình sản xuất công ty khoán gọn các chi phí nên các đơn vị, bộ phận sử dụng năng lượng đã ở mức tiết kiệm nhất có thể. Đối với khu vực văn phòng, hành chính, các thiết bị điện chỉ được sử dụng (bật) ở mức vừa đủ dùng để tránh lãng phí điện năng, sử dụng các thiết bị công nghệ mới như đèn LED, máy lạnh inverter...

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Trong năm công ty sử dụng lượng nước khoảng 33.000m³, gồm nước dùng sinh hoạt, và nước dùng cho sản xuất (chống bụi). Nguồn nước sinh hoạt là nước máy, nguồn nước dùng cho sản xuất bơm từ các hồ chứa, sông ngòi tự nhiên để chống bụi tại hiện trường sản xuất.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có nước tái chế, hình thức sử dụng nước là rải đường, phun sương chống bụi trong quá trình sản xuất, nên không thể thu gom tái chế được.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Công ty tuân thủ tốt các qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường nên không bị phạt

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

+ Số lượng người lao động tại thời điểm 31/12/2024 là 108 người, mức lương sản phẩm trung bình là 13.400đ/người /tháng.

+ Phân loại lao động như sau:

Cơ cấu lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ	108	100 %
Thạc sỹ	4	3,7%
Đại học	37	34,3%
Cao đẳng	2	1,9%
Trung cấp	15	13,9%
Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	35	32,4%

Lao động phổ thông	15	13,9%
--------------------	----	-------

Phân theo độ tuổi	108	100,00%
Dưới 35 tuổi	8	7,4%
Từ 35 đến 45 tuổi	54	50,0%
Từ 46 đến 55 tuổi	34	31,5%
Trên 55 tuổi	12	11,1%

Phân theo giới tính	108	100,00%
Nam	88	81,48%
Nữ	20	18,52%

Phân theo hợp đồng lao động	108	100,00%
Không xác định thời hạn	107	99,1%
Xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	01	0,9%

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

+ Công ty luôn chú trọng đến quyền lợi của người lao động trong công ty, đặc biệt là về vấn đề an toàn lao động. Do đặc thù ngành khai thác mỏ, rủi ro về tai nạn lao động tiềm ẩn cao nên Công ty mua bảo hiểm tai nạn đầy đủ cho người lao động của Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam, trong đó đối với công nhân lao động trong môi trường nguy hiểm, độc hại công ty mua ở mức cao nhất.

+ Trang bị, cấp phát phương tiện, quần áo bảo hộ lao động, trang phục cho toàn thể người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

+ Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể người lao động, khám bệnh nghề nghiệp cho công nhân lao động trong môi trường độc hại, tổ chức quan trắc môi trường lao động hàng năm. Trang bị các vật tư, thuốc y tế đầy đủ theo qui định tại nơi làm việc.

Chế độ phúc lợi: hàng năm công ty đều tổ chức đi thăm quan, du lịch nghỉ mát cho toàn thể cán bộ công ty nhân viên phù hợp với tình hình tài chính của công ty, năm 2024 công ty tổ chức đi du lịch nghỉ dưỡng tại Hà Tiên - Phú Quốc. Công ty luôn hỗ trợ các phòng trào đoàn thể trong các hoạt động văn hóa, thể thao, văn nghệ tạo đời sống tinh thần tích cực cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành khai thác đá, nhiều rủi ro về an toàn lao động, nên hàng năm công ty đều tổ chức học về an toàn lao động cho tất cả người lao động theo từng nhóm ngành theo qui định của pháp luật. Các chương trình tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, công ty đều cử đi tập huấn các đối tượng người lao động có liên quan.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp. Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng khác phục vụ cho công việc và cuộc sống.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty luôn có ý thức trách nhiệm trong việc tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, phát triển cộng đồng, bảo vệ môi trường thông qua việc ủng hộ về tài chính; như ủng hộ các địa phương nơi công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh trong phát triển xây dựng nông thôn mới, ủng hộ các phong trào hoạt động cộng đồng, đoàn thể, quỹ bảo trợ trẻ em, hỗ trợ các gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn... Tổng số tiền ủng hộ hơn 1,2 tỷ đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Thực hiện Nghị quyết tại Đại hội cổ đông thường niên Công ty năm 2024. Trong năm qua dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty cùng tập thể cán bộ công nhân lao động đã tích cực triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, vượt qua những khó khăn khách quan do tình hình trong nước và quốc tế có nhiều biến động phức tạp và các khó khăn nội tại của công ty để từng bước thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết đại hội đồng cổ đông Công ty đề ra.

Những tiến bộ công ty đã đạt được: Năm 2024 các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu như sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thu nhập tiền lương người lao động, nộp ngân sách đều vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

1.1 Công tác tiêu thụ sản phẩm và công nợ

Theo tình hình tiêu thụ trên thị trường, Ban Tổng giám đốc giao chỉ tiêu bán hàng bình quân mỗi tháng cho từng Chi nhánh đồng thời có chế độ khuyến khích tiền thưởng khi thực hiện vượt chỉ tiêu tháng cho các Chi nhánh, qua đó mang lại những hiệu quả tích cực, Người lao động nỗ lực và tích cực hơn trong công việc, chăm sóc khách hàng tốt hơn để mở rộng tiêu thụ, các chi phí được quản lý tốt hơn.

Quản trị rủi ro của toàn doanh nghiệp, quản lý công nợ giảm tối đa việc bị chiếm dụng vốn, quản lý hàng tồn kho, tăng vòng quay vốn để tăng hiệu quả của việc sử dụng vốn.

Kế hoạch kinh doanh được đánh giá và theo dõi bám sát hàng tháng, do vậy đã có những điều chỉnh kịp thời trước những biến động của thị trường để hoạt động của Công ty được ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024.

Không để phát sinh nợ xấu, bên cạnh đó do có sự chỉ đạo của Lãnh đạo Công ty, Tổ thu hồi công nợ đã thu được một số khoản nợ xấu, khó đòi.

1.2 Công tác quản lý

Thường xuyên rà soát, đánh giá và khắc phục kịp thời tồn tại trong công tác quản lý, đảm bảo sự thông suốt về quy trình công việc từ lãnh đạo đến các nhân viên, công nhân lao động.

Thường xuyên đôn đốc cho các cấp quản lý để nâng cao hiệu quả công tác, cũng như năng lực quản lý để triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt được hiệu quả cao.

Tăng cường phân quyền cho các trưởng bộ phận để đảm bảo tính tự chủ, hiệu quả, sâu sát và nhanh chóng trong việc triển khai các công việc theo kế hoạch chung.

1.3 Công tác quản lý máy móc thiết bị

Hệ thống trang thiết bị, máy móc, phương tiện... hoạt động trên hiện trường của Công ty thường xuyên được kiểm tra và bảo dưỡng, để đáp ứng yêu cầu sản xuất tốt nhất, khi thị trường tiêu thụ có nhu cầu cao, nhằm phát huy hết theo công suất của mỗi mỏ.

1.4 Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất

Ban Điều hành luôn bám sát nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh để chỉ đạo thực hiện sao cho có hiệu quả tốt nhất, xử lý và giải quyết các vướng mắc, phát sinh linh hoạt và kịp thời trong quá

trình sản xuất.

Công tác kiểm tra kỹ thuật và chất lượng sản phẩm được thực hiện thường xuyên, để đảm bảo sản phẩm sản xuất phù hợp thị hiếu thị trường, đảm bảo chất lượng qui cách.

Công tác an toàn vệ sinh lao động được đặt lên hàng đầu, thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở các bộ phận phải luôn chú trọng công tác an toàn lao động, vì khi xảy ra mất an toàn thì thiệt hại sẽ khó lường, ảnh hưởng tới nhiều mặt của công ty, không chỉ là hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó công tác vệ sinh môi trường và điều kiện làm việc được chú trọng, phải tuân thủ tốt theo các qui định của pháp luật và cải thiện thường xuyên.

1.5 Kết quả sản xuất kinh doanh: (xem số liệu chi tiết tại mục II-1)

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Ban Tổng giám đốc Công ty thường xuyên chỉ đạo, giám sát về công tác quản lý tài chính của Công ty, cụ thể:

Chủ động cân đối sử dụng vốn lưu động linh hoạt đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thường xuyên cập nhật thông tin tài chính, sản xuất của từng bộ phận để Ban Điều hành nhìn rõ hơn được các vấn đề trong sản xuất kinh doanh để có điều chỉnh kịp thời.

Quản lý giám sát công nợ khách hàng đảm bảo không phát sinh quá hạn mức. Xem xét các hạn mức tài chính cho từng khách hàng để giảm rủi ro nợ xấu.

Thực hiện lập dự toán đối với các hợp đồng thi công và theo dõi sát việc thực hiện để đảm bảo lãnh đạo Công ty luôn quản lý, nắm bắt được việc triển khai đúng mục tiêu ban đầu.

b) Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: tại ngày 31/12/2024 nợ phải trả của công ty là 43,2 tỷ, trong đó chủ yếu là các khoản nợ các đối tác, tiền thuế, tiền lương người lao động, số dự nợ trên báo cáo tài chính là do việc thanh toán luân phiên gói đầu hàng tháng.

Phân tích nợ xấu phải trả, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: công ty không có nợ xấu phải trả, không có sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu nên không ảnh hưởng tỉ giá hối đoái. Công ty không phải đi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Hiện tại về cơ cấu tổ chức, các chính sách, mô hình quản lý của công ty đang thực hiện khá ổn định, hợp lý và đạt hiệu quả tốt nên chưa cần thay đổi.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai : Tiếp tục nghiên cứu đầu tư vào lĩnh vực mới hoặc đầu tư vào các công ty cùng ngành hoặc liên kết, liên doanh khi có cơ hội khả thi.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) : Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường :

Trong năm 2024 công ty thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường như hợp đồng với cơ quan chức năng để quan trắc môi trường lao động tại tất cả các địa bàn sản xuất kinh doanh của công ty (như đo nồng độ bụi, tiếng ồn, lượng khí CO₂, ánh sáng các khu vực làm

việc..., quan trắc chất lượng nguồn nước, qui trình xử lý nước thải, tất cả phải đảm bảo theo qui chuẩn trước khi hoạt động sản xuất kinh doanh. Đã tiến hành trồng cây xanh các khu vực xung quanh nơi sản xuất, đường vận chuyển, hàng năm ký quỹ phục hồi môi trường theo qui định...

Việc quản lý chất thải rắn thông thường: rác thải sinh hoạt được công ty môi trường đi thu gom xử lý hàng ngày, bao bì carton do cơ sở nhỏ lẻ thu gom, đất đá không rõ qui cách sử dụng đắp nền đường nội bộ.

Việc quản lý chất thải rắn nguy hại: bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau, dầu nhớt thải, hộp mực in do Công ty môi trường thu gom xử lý.

Định kỳ theo qui định công ty đều lập Báo cáo hiện trạng khai thác và sử dụng nước, Báo cáo hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước, Báo cáo công tác bảo vệ môi trường... gửi các cơ quan chức năng của Tỉnh để kiểm tra và giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường của công ty.

Việc tiêu thụ điện, nước, nguyên nhiên vật liệu, phát thải đều được kiểm soát chặt chẽ và tiết kiệm nhất, hướng tới là đơn vị sản xuất kinh doanh ngày càng xanh hơn.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

Số lượng lao động bình quân năm 2024 là 111 người.

Tiền lương bình quân theo sản phẩm tiêu thụ là 13.400.000đ/người /tháng

- Chính sách đối với người lao động:

Khám sức khỏe cho người lao động: thực hiện khám tổng quát hàng năm cho toàn bộ người lao động công ty.

Mua bảo hiểm tai nạn cho toàn thể người lao động hàng năm.

An toàn lao động: hàng năm đều tổ chức tập huấn về an toàn vệ sinh lao động cho tất cả người lao động công ty theo từng phân nhóm theo qui định của pháp luật.

Tổ chức cho người lao động đi du lịch, nghỉ dưỡng hàng năm. Năm 2024 tổ chức du lịch, nghỉ dưỡng tại thành phố Hà Tiên và TP. Phú Quốc.

Các chế độ chính sách khác: BHXH, BHYT, BHTN, bồi dưỡng ăn ca, độc hại... đều thực hiện đầy đủ theo qui định của pháp luật.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Công ty luôn chú trọng đến công tác xã hội, cộng đồng, đóng góp vào sự phát triển bền vững, ổn định của xã hội. Thông qua các nguồn tài chính đóng góp cho địa phương, ủng hộ phòng chống thiên tai, hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn, tài trợ các phòng trào đoàn thể của các địa phương...(sổ liệu chi tiết tại mục II-6.7).

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Đánh giá tình hình chung: Năm 2024, hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đá của công ty khá ổn định. Tình hình thị trường tài chính được cải thiện dần và tăng trưởng tốt những tháng cuối năm 2024, các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đều vượt kế hoạch năm 2024. Thu nhập người lao động ổn định theo sản lượng tiêu thụ, các chế độ quyền lợi được thực hiện đầy đủ và đúng qui định.

Về trách nhiệm môi trường và xã hội: Công ty thực hiện tốt các qui định, qui chuẩn về môi trường, định kỳ có báo cáo cơ quan chức năng và qua kiểm tra của cơ quan chức năng công ty không vi phạm, không bị phạt liên quan đến việc bảo vệ môi trường. Công tác xã hội công ty cũng luôn chú trọng đóng góp, ủng hộ các địa phương trong nhiều chương trình như phát triển nông thôn mới, hỗ trợ các

phong trào của địa phương, hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Tổng Giám đốc thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, hoàn thành tốt vai trò của mình, luôn các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp. Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo cho HĐQT về các hoạt động của Công ty, chủ trương, định hướng, chỉ đạo của HĐQT đưa ra được Ban TGD triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty, vì vậy HĐQT nắm sát tình hình hoạt động, có những chỉ đạo kịp thời, đúng đắn, mang lại hiệu quả tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

HĐQT đánh giá công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024 đạt kết quả tốt, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác của công ty có tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh - tiêu thụ sản phẩm đạt được kết quả tốt nhất có thể. Việc thực hiện các nghĩa vụ như thuế, chế độ lương, thưởng cho người lao động thực hiện tương ứng với kết quả SXKD. Công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, công tác vệ sinh môi trường v.v... đều được thực hiện nghiêm chỉnh theo qui định của pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Chương trình kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2025

+ Thực hiện các hoạt động và vai trò của HĐQT theo đúng thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Nâng cao năng lực quản trị, quản trị hiệu quả các nguồn lực của công ty, tận dụng các nguồn lực từ bên ngoài để phát triển công ty.

+ Triển khai và tổ chức thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2025 ở mức tốt nhất có thể.

+ Chỉ đạo, giám sát thường xuyên đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025. Nắm bắt sát tình hình để hỗ trợ và phối hợp cùng Ban điều hành Công ty tháo gỡ, xử lý kịp thời những khó khăn vướng mắc, để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả tốt nhất.

+ Về sản xuất: chú trọng trong công tác đầu tư, sửa chữa thiết bị, máy móc, áp dụng công nghệ mới trong chế biến đá xây dựng, để nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm, tăng giá trị hàng hóa so với hiện tại và bảo vệ môi trường.

Tìm kiếm thị trường thích hợp để nâng cao tối đa tỷ lệ sản xuất - tiêu thụ đá 1x2 (sản phẩm có biên lợi nhuận cao) trong cơ cấu sản phẩm. Đảm bảo công tác an toàn - vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, giảm thiểu tối đa các rủi ro có thể xảy ra.

+ Tiếp tục nghiên cứu tìm kiếm dự án mới khả thi, để đầu tư mở rộng, kết hợp tìm kiếm các cơ hội đầu tư khác để nâng cao lợi nhuận, lợi ích cho cổ đông, ổn định và nâng cao đời sống người lao động, tích lũy phục vụ chiến lược phát triển mở rộng trong dài hạn.

- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025:

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình thị trường tại các khu vực công ty có hoạt động SXKD, tình hình thuận lợi, khó khăn hiện tại của các mỏ đá của Công ty, dự báo triển vọng trong thời gian tới, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 phù hợp thực tế hiện nay, các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ % KH 2025 /TH 2024
1. Tổng Sản phẩm đá các loại: (Đvt: m³)	1.677.623	1.570.000	93,6%

Chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ % KH 2025 /TH 2024
<i>Trong đó:</i>			
- mỏ đá Núi Gió (đá các loại).	254.685	350.000	137,4%
- mỏ đá Tân Cang 3 (đá các loại).	855.252	720.000	84,2%
- mỏ đá Thạnh Phú 2 (đá các loại).	567.686	500.000	88,1%
2. Tổng Doanh thu: (Đvt: 1.000đ)	309.366.590	315.600.000	102,0%
<i>Trong đó:</i>			
- Doanh thu sản xuất (mỏ đá Núi Gió)	48.881.985	69.667.600	142,5%
- Doanh thu sản xuất (mỏ đá Tân Cang 3)	156.383.210	147.405.400	94,3%
- Doanh thu sản xuất (mỏ đá Thạnh Phú 2)	90.928.219	86.527.000	95,2%
- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh tài chính và doanh thu khác	13.168.398	12.000.000	91,1%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế: (Đvt: 1.000đ)	68.270.488	72.000.000	105,5%
<i>Trong đó:</i>			
- Lợi nhuận từ SXKD mỏ đá Núi Gió	10.266.078	14.267.600	139,0%
- Lợi nhuận từ SXKD mỏ đá Tân Cang 3	40.857.314	34.405.400	84,2%
- Lợi nhuận từ SXKD mỏ đá Thạnh Phú 2	12.321.610	11.327.000	91,9%
- Lợi nhuận từ hoạt động KD tài chính.	12.165.275	12.000.000	98,6%
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	-7.339.789	-	-
4. Tổng lợi nhuận sau thuế (Đvt: 1.000đ)	51.706.620	57.600.000	111,4%
5. Thu nhập (SP) b/q NLĐ/tháng:(Đvt: 1.000đ)	13.400	14.600	108,9%
6. Cổ tức (%)	15% + (*)	Từ 15% đến 30% (**)	

(*) Cổ tức năm 2024: Đã tạm ứng đợt 1 là 15% bằng tiền mặt, tổng số tiền chi trả là 22.081.609.500 đồng chi trả vào ngày 14/02/2025. Việc chi trả tiếp theo sẽ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

(**) Nguồn chi cổ tức 2025: là lợi nhuận thực hiện của năm 2025 và lợi nhuận chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước (31/12/2024).

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

1	CAO TRƯỞNG THỤ	CHỦ TỊCH HĐQT
	Số lượng cổ phần (tỷ lệ biểu quyết)	0 CP (0,0%)
	SLCP đại diện vốn (tỷ lệ biểu quyết)	2.267.705 CP (15,40%)
	Chức danh tại công ty khác:	

	Tổng công ty VLXD số 1	TV HĐQT – TỔNG GIÁM ĐỐC
	Công ty CP gạch men Thanh Thanh	Chủ tịch HĐQT
	Công ty cổ phần VITALY	Chủ tịch HĐQT
	Công ty cổ phần cơ khí Đông Anh	Chủ tịch HĐQT
2	TRỊNH TIẾN BẢY	TV HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC (miễn nhiệm ngày 13/04/2024)
	Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	0 CP (0,0%)
3	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	TV HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC (Bổ nhiệm ngày 13/04/2024)
	Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	137.740 CP (0,94%) (14/03/2025)
	<i>Chức danh tại công ty khác:</i>	
	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	TV HĐQT
	Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	TV HĐQT
4	NGUYỄN TẤN LỘC	TV HĐQT
	Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	1.105.746 (7,51%) (14/03/2025)
	<i>Chức danh tại công ty khác:</i>	
	Công ty TNHH Khai thác tài nguyên Lợi Lộc	Giám đốc
	Xí nghiệp sản xuất Gạch Lợi Lộc	Giám đốc
	Công ty TNHH gạch Tuynel Bình Thành	TV HĐQT
5	MAI HOÀNG NGUYỄN	TV HĐQT ĐỘC LẬP
	Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	0 CP (0%)
	<i>Chức danh tại công ty khác:</i> không	
6	NGUYỄN VĂN PHÚC	TV HĐQT
	Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	0 CP (0%)
	<i>Chức danh tại công ty khác:</i>	
	Công Ty TNHH MTV Cát Cam Ranh Fico	Tổng Giám đốc

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không thành lập

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT xác định với vai trò là định hướng, chỉ đạo, quản lý và giám sát các hoạt động của Công ty phù hợp thẩm quyền của mình. HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định để triển khai các nhiệm vụ cho Ban Điều hành thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty, nghị quyết đại hội cổ đông và quy chế quản trị công ty. Với mục tiêu đảm bảo lợi ích cổ đông, lợi ích khách hàng, đối tác và quyền lợi của người lao động.

Trong năm 2024 HĐQT tổ chức 09 cuộc họp, các thành viên đều tham gia đầy đủ và đóng góp ý nhiều kiến về sản xuất kinh doanh, chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp, chỉ đạo, giám sát Công ty thực hiện tốt nhất các chỉ tiêu của kế hoạch năm 2024. Các thành viên HĐQT thực hiện công bố thông tin theo quy định khi giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

Số lượng buổi dự họp của từng TV HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ <i>không còn là</i> thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Cao Trường Thụ	CT HĐQT	09/04/2022	9/9	100%	
2	Trịnh Tiến Bảy	TV HĐQT	20/4/2012/ 25/04/2024	2/4	50%	Miễn nhiệm từ ngày 25/04/2024
3	Nguyễn Văn Lương	TV HĐQT	17/1/2017	9/9	100%	
4	Nguyễn Tấn Lộc	TV HĐQT	09/04/2022	9/9	100%	
5	Mai Hoàng Nguyên	TV HĐQT	09/04/2022	9/9	100%	
6	Nguyễn Văn Phúc	TVHĐQT	25/04/2024	5/5	100%	

Nội dung các cuộc họp:

S tt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT	16/01/2024	+ Phần đất sân công nghiệp của mỏ đá Tân Cang 3: Giao Ban Điều hành hoàn thành việc thuê đất trong thời gian Quý 1/2024. + Mỏ đá Núi Gió: Đồng ý thanh lý 02 máy nghiền công suất 150 tấn/giờ, hoạt động kém hiệu quả, tìm đối tác lắp máy công suất 300 tấn/giờ. + Nhất trí kế hoạch SXKD năm 2024 toàn công ty. + Kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2024: trong tháng 4/2024.
	Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT	04/03/2024	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, cụ thể: + Ngày đăng ký cuối cùng: 27/03/2024 + Thời gian thực hiện: 25/04/2024. + Địa điểm: Trụ sở công ty , 20C Nguyễn Văn Lung, KP Cầu Hàng, P. Hóa An, Biên Hòa, Đồng Nai.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

S tt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			+ Nội dung: sẽ được ghi trong Thông báo mời họp gửi cổ đông.
	Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT	13/03/2024	+ Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Trịnh Tiến Bảy – TV-HĐQT – Tổng Giám đốc. + Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Văn Lương – TV-HĐQT – Tổng Giám đốc.
	Quyết định số 09/QĐ.HĐQT	13/03/2024	Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Trịnh Tiến Bảy – TV-HĐQT – Tổng Giám đốc, kể từ ngày 13/03/2024.
	Quyết định số 10/QĐ.HĐQT	13/03/2024	+ Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Văn Lương – TV-HĐQT – Tổng Giám đốc, kể từ ngày 13/03/2024.
2	Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT	02/04/2024	Thông qua tài liệu trình họp Đại hội đồng cổ đông TN năm 2024: + Chương trình đại hội cổ đông. + Quy chế làm việc tại đại hội. + BC hoạt động của HĐQT và kết quả SXKD năm 2023, Chương trình hoạt động và kế hoạch SXKD năm 2024. Kế hoạch trả cổ tức năm 2024. + BC hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023. + Phương án PP lợi nhuận năm 2023. + BC thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và Kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2024. + Chọn đơn vị kiểm toán: sát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2024. + Trình Ban hành quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và trực tiếp kết hợp trực tuyến. + Bầu cử bổ sung một thành viên HĐQT.
	Quyết định số 11/QĐ.HĐQT	09/04/2024	+ Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc CN Vĩnh Cửu đối với ông Trịnh Đình Trọng, kể từ ngày 09/04/2024.
	Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT	23/05/2024	+ Nhất trí với Báo cáo KQSXKD 05 tháng năm 2024 của Ban Điều hành: Tổng SL 805.590/1.410.000m ³ (= 57% KH năm); DTSX: 136,5 tỷ đ/258 tỷ đ (= 53%KH năm); DTTC 6,3 tỷ/9,5 tỷ = 66%KH năm. Lợi nhuận ST: 21,6 tỷ đ/38,4 tỷ đ (= 56% KH năm). + Nhất trí UQ Tổng giám đốc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đinh Văn Chử tại mỏ Tân Cang 3. + Nhất trí thanh toán cổ tức phần còn lại năm 2023, tỉ lệ 20%. Giao Ban điều hành thực hiện các thủ tục chi trả trong tháng 7/2024.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

S tt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
	Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT	02/07/2024	- Nhất trí kết quả sản xuất kinh doanh ước 06 tháng đầu năm 2024: Tổng sản lượng: 973.031m³ = 69% kế hoạch năm; Doanh thu sản xuất: 163,8 tỷ đồng = 63% KH năm Doanh thu tài chính: 6,5 tỷ đồng = 69% KH năm Tổng lợi nhuận sau thuế 27,7 tỷ đồng = 72% KH năm. - Nhất trí với báo cáo Tổng GD về tình hình: + Kiểm tra mỏ Thanh Phú 2 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường Đồng Nai; + Truy thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá Núi Gió 2; + Tiến độ thực hiện xin giấy phép môi trường của 03 mỏ; + Tình hình thực hiện công việc hồ sơ pháp lý các mỏ đá.
	Nghị quyết số 27/NQ-HĐQT	04/09/2024	Đầu tư tài chính (mua cổ phiếu): - Công ty Cổ phần xây dựng và sản xuất VLXD Biên Hòa (mã CK: VLB) - Hạn mức đầu tư 100 tỷ đồng (một trăm tỷ). - Giá mua không quá 45.000đ/cổ phần (bốn mươi lăm nghìn)
	Nghị quyết số 32/NQ-HĐQT	22/10/2024	1. Nhất trí kết quả SXKD 3 quý năm 2024 và tình hình tại các mỏ đá theo báo cáo của Tổng giám đốc. Tổng sản lượng: 1.303.259m³ = 92% kế hoạch năm; Doanh thu sản xuất: 225,7 tỷ đồng = 87% KH năm Doanh thu tài chính: 10,9 tỷ đồng = 115% KH năm Tổng lợi nhuận sau thuế 43,9 tỷ đồng = 115% KH năm. 2. Nhất trí nội dung báo cáo về hồ sơ pháp lý của các mỏ đá. 3. Nhất trí với số liệu thực hiện đầu tư tài chính vào cổ phiếu VLB. 4. Nhất trí giao Ban Điều hành tiếp tục mua cổ phiếu VLB: - Hạn mức mua: không quá 35% tổng giá trị Tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (tại ngày 30/09/2024). Giá mua: không quá 45.000đ/cổ phần
	Nghị quyết số 34/NQ-HĐQT	25/12/2024	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền mặt, tỉ lệ chi trả 15% (1.500đ/CP), thời gian chi trả trong quý 1/2025. Giao Ban Điều hành triển khai các thủ tục theo qui định hiện hành.
	Nghị quyết số 35/NQ-HĐQT	25/12/2024	1. Nhất trí Kết quả SXKD (ước) năm 2024 theo báo cáo của Tổng giám đốc. Tổng sản lượng: 1.659.384m³ = 118% kế hoạch năm; Doanh thu sản xuất: 292,7 tỷ đồng = 113% KH năm Doanh thu tài chính: 12,98 tỷ đồng = 137% KH năm Tổng lợi nhuận sau thuế 51,04 tỷ đồng = 133% KH năm.

S t	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			2. Nhất trí Kế hoạch SXKD năm 2025 do Ban Điều hành xây dựng. Tổng sản lượng: 1.570.000m³/năm; Doanh thu sản xuất: 303,6 tỷ đồng/năm Doanh thu tài chính: 12,0 tỷ đồng/năm Tổng lợi nhuận sau thuế 57,6 tỷ đồng/năm. 3. Nhất trí tăng đơn giá tiền lương chung toàn công ty thêm 5%, chuyển nhóm sản phẩm đá xanh 4x6, 5x7, đá hộc sang tính lương như nhóm sản phẩm 1x1, 1x2, Dmax. 4. Nhất trí thưởng Tết cho người lao động như đề xuất của Ban Điều hành. 5. Nhất trí các nội dung báo cáo về hồ sơ pháp lý của các mỏ đá. 6. Nhất trí với số liệu báo cáo về tình hình công nợ.

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Hội đồng quản trị công ty có 05 thành viên, trong đó có 1 thành viên độc lập, 03 thành viên không điều hành. Toàn bộ các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và tích cực vào các hoạt động chỉ đạo chiến lược chung, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đúng các quy định đối với Công ty đại chúng.

Các cuộc họp đều được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn thận để đưa ra những định hướng và giải pháp đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty.

Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, biên bản cuộc họp được lập đầy đủ, có chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự họp.

* Về việc giám sát Tổng Giám đốc

HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo hoạt động của công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ.

Ban Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động tại công ty theo đúng chỉ đạo định hướng của HĐQT nhằm đảm bảo lợi ích của công ty, trong quá trình thực hiện, Ban Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo đầy đủ kết quả, qua đó HĐQT nắm rõ tình hình hoạt động của công ty.

* Về việc giám sát Báo cáo tài chính, kết quả hoạt động SXKD của công ty

Báo cáo tài chính được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và quy định pháp luật hiện hành.

- Công ty kiểm toán được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra ý kiến kiểm toán.

* Đánh giá chung hoạt động của HĐQT

Các hoạt động của HĐQT trong năm 2024 tuân thủ Điều lệ công ty, Quy chế quản trị công ty và quy định pháp luật.

Tất cả các thành viên HĐQT đã tuân thủ các quy định trong việc tham gia các cuộc họp HĐQT, thảo luận, biểu quyết độc lập, khách quan trên cơ sở đảm bảo cao nhất lợi ích của công ty.

HĐQT đã đưa ra các giải pháp hiệu quả, kịp thời hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm (không có).

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

1	PHẠM VIỆT THẮNG Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT 0 (0%)
2	ĐẶNG XUÂN LONG Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT 0 (0%)
3	TRẦN QUỐC TRUNG Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT 0 (0%)

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tổ chức họp được 2 lần để thực hiện các nhiệm vụ của Ban, các thành viên đều tham gia đầy đủ các cuộc họp. Ban kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có đóng góp ý kiến, cũng như chất vấn các nội dung nêu ra trong các cuộc họp của HĐQT.

Ngày 30/05/2024 Ban kiểm soát đã họp và chọn đơn vị kiểm toán để soát xét bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 cho Công ty.

Ngày 25/12/2024 Ban Kiểm soát đi kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty CP Hóa An, nhằm đánh giá hoạt động trong toàn công ty năm 2024.

Nhìn chung các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2024 tương đối ổn định, vượt chỉ tiêu kế hoạch SXKD chung toàn công ty. Công tác an toàn lao động, môi trường thực hiện tốt. Đề nghị Công ty tiếp tục duy trì và phát triển các hoạt động SXKD, đồng thời bám sát các hồ sơ pháp lý của các mỏ để hoàn thiện theo qui định của pháp luật

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính công ty năm 2024.

Công tác tài chính kế toán và kiểm toán báo cáo tài chính:

Công ty thực hiện công tác hạch toán kế toán theo quy định của chế độ kế toán, các số liệu được ghi nhận đầy đủ, chính xác và đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam soát xét bán niên và kiểm toán năm 2024, đảm bảo tính độc lập và phản ánh đầy đủ. Ban kiểm soát đã thẩm định các báo cáo tài chính quý, bán niên, năm trước khi phát hành.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Thực hiện 2023	Tỷ lệ	
						So KH 2024	So TH 2023
I	Sản lượng SX và tiêu thụ toàn công ty.	m³	1.410.000	1.677.623	2.201.128	119%	76%
1	Núi Gió 2	m ³	320.000	254.685	270.028	80%	94%
2	Tân Cang 3	m ³	720.000	855.252	849.225	119%	101%
3	Thạnh Phú 2	m ³	370.000	567.687	1.081.874	153%	52%

II	Tổng doanh thu. trong đó:	Tr.đồng	267.500	309.366	390.021	116%	79%
1	Doanh thu BHCCDV	Tr.đồng	258.000	296.193	375.398	115%	79%
	a. Núi Gió 2	Tr.đồng	60.000	48.882	51.345	81%	95%
	b. Tân Cang 3	Tr.đồng	141.000	156.383	159.331	111%	98%
	c. Thạnh Phú 2	Tr.đồng	57.000	90.928	164.723	160%	55%
2	Doanh thu hoạt động TC và doanh thu khác	Tr.đồng	9.500	13.173	14.622	139%	90%
III	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	47.940	68.270	109.900	142%	62%
1	Núi Gió 2	Tr.đồng	13.300	10.266	9.448	77%	109%
2	Tân Cang 3	Tr.đồng	22.140	40.857	36.364	185%	112%
3	Thạnh Phú 2	Tr.đồng	10.300	12.322	28.385	120%	43%
4	LN tài chính và LN khác	Tr.đồng	2.200	4.825	35.703	219%	14%
III	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	38.352	51.707	87.054	135%	59%

Đánh giá về kết quả kinh doanh:

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 296 tỷ đồng/258 tỷ đồng KH, bằng 115% so kế hoạch.

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 68,3 tỷ đồng đạt tỉ lệ 142% so kế hoạch, bằng 62% so với thực hiện năm 2023. (trong đó: Lợi nhuận từ hoạt động tài chính và lợi nhuận khác là 4,8 tỷ đồng và LN từ hoạt động SXKD chính là 63,5 tỷ đồng).

- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính và thu nhập khác là 4,8 tỷ đồng, cụ thể:
- + Doanh thu hoạt động tài chính: 13,2 tỷ đồng (lãi tiền gửi).
- + Chi phí tài chính: 1 tỷ đồng (chủ yếu là chi phí mua cổ phiếu).
- + Lợi nhuận khác: - 7,4 tỷ đồng (chủ yếu là chi phí TN và BVMT do tính toán bổ sung).

Kết quả sản xuất kinh doanh từng mỏ:

+ **Mỏ Núi Gió 2:** sản lượng đạt $254.685 \text{ m}^3/320.000\text{m}^3 = 80\%$ so KH; doanh thu đạt 48,9 tỷ đ/60 tỷ đ = 81% so KH; lợi nhuận TT đạt 10,3 tỷ đ/ 13,3 tỷ đ = 77% so với kế hoạch và bằng 109 % so với thực hiện năm 2023. Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu đạt năm 2024 là 21% (năm 2023 là 18,4%).

+ **Mỏ Tân Cang 3:**

Khu vực mỏ Tân Cang đang có nhiều thuận lợi từ các dự án trọng điểm tại khu vực, như sân bay Long Thành, cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu ...do đó nhu cầu về đá tăng cao. Năm 2024 mỏ khai thác tiêu thụ đạt công suất cấp phép. Sản lượng đạt $855.252\text{m}^3/720.000\text{m}^3 = 119\%$ so KH; Doanh thu đạt 156,4 tỷ đ/141 tỷ đ = 111% so với kế hoạch và bằng 98% với thực hiện năm 2023; Lợi nhuận TT đạt 40.857 tỷ đ/22.140 tỷ đ = 185% so KH. Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu năm 2024 là 26,1% (năm 2023 là 22,8%).

+ **Mỏ Thạnh Phú 2:** sản lượng đạt $567.687\text{m}^3/370.000\text{m}^3 = 153\%$ so KH; doanh thu đạt 90,9 tỷ đ/ 57 tỷ đ = 160% so KH; lợi nhuận TT đạt 12,3 tỷ đ/ 10,3 tỷ đ = 119,6% so với kế hoạch và bằng 43,4% so với thực hiện năm 2023. Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu năm 2024 là 14% (năm 2023 là 17,2%).

Tình hình quản lý sử dụng vốn và tài sản:

- Về Công nợ:

+ Công ty đã thu hồi được một số khoản nợ khó đòi, tuy nhiên việc thu hồi công nợ gặp một số khó khăn, và chưa hoàn thành theo yêu cầu của cổ đông tại ĐHCĐ năm 2024, trong đó: khoản phải thu về cho vay ngắn hạn Cty Phú Mỹ An chưa thu hồi được và công ty đã trích 18,6 tỷ đồng lập dự phòng (năm 2024: 5,3 tỷ đồng) cho khoản công nợ này.

- Vay nợ ngân hàng: Công ty không vay nợ ngân hàng.

- Trong năm 2024 Công ty đã thanh toán cổ tức còn lại năm 2023 với tổng số tiền 28,485 tỷ đồng.

- Tính đến ngày 31/12/2024 lượng tiền gửi tại ngân hàng là 171 tỷ đồng, đây là nguồn vốn tốt để phục vụ cho chiến lược dài hạn phát triển mở rộng của Công ty.

- Công tác đầu tư: thực hiện Nghị quyết hội đồng quản trị số 27/NQ-HĐQT ngày 04/09/2024 và số 32/NQ-HĐQT ngày 22/10/2024, công ty đã đầu tư 149 tỷ đồng vào cổ phiếu VLB.

Tình hình khác tại các mỏ đá:

- Mỏ Núi Gió 2:

+ Hiện trường khai thác và sản xuất thuận lợi, máy móc thiết bị đáp ứng được nhu cầu sản xuất, công suất cấp phép. Lực lượng lao động đủ đáp ứng theo yêu cầu sản xuất, đã được huấn luyện An toàn lao động theo quy định.

+ Về tiêu thụ sản phẩm: Sau khi lắp thêm máy nghiền mới, sản phẩm chất lượng tốt hơn, cùng với việc tích cực triển khai tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường, nên sản lượng tiêu thụ đã gia tăng đáng kể, mục tiêu của Chi nhánh là phân đầu sản xuất tiêu thụ đạt công suất cấp phép.

- Mỏ Tân Cang 3:

+ Máy móc thiết bị đáp ứng được yêu cầu sản xuất theo công suất cấp phép, thị trường có nhu cầu cao, nên tiêu thụ thuận lợi và đạt công suất cấp phép.

+ Lao động ổn định đáp ứng được yêu cầu công việc, đã được huấn luyện An toàn lao động theo quy định.

- Mỏ Thạnh Phú 2:

+ Năm 2024 Mỏ Thạnh Phú 2 sản lượng tiêu thụ vượt kế hoạch, nhưng so công suất chỉ đạt khoảng hơn 40%, lý do là nguồn đá nguyên liệu hiện không còn nhiều và ở vị trí khó khai thác.

+ Hiện tại chỉ có một hệ thống nghiền sàng, đáp ứng sản xuất khoảng 500.000m³/ năm đá các loại.

2.3 Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc và những nội dung khác:

Năm 2024, HĐQT đã tổ chức 9 phiên họp với nội dung trọng tâm đánh giá tình hình hoạt động SXKD và các mặt hoạt động khác của công ty. Bàn bạc tìm biện pháp thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2024 để đạt hiệu quả tốt nhất, cũng như bàn thảo phương hướng chiến lược cho công ty.

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh.

- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định sau các cuộc họp để triển khai thực hiện, các Nghị quyết về trả cổ tức ...vv, tất cả đều được thực hiện đúng trình tự thủ tục theo qui định của Pháp luật, đảm bảo thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, giải quyết nhanh những vướng mắc khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, có nhiều biện pháp điều hành cần thiết để phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông giao.

- Ban Tổng Giám đốc đã phát huy các lợi thế của công ty trong SXKD để tối đa hóa hiệu quả SXKD trong điều kiện thị trường có nhiều diễn biến phức tạp và có các quyết định điều hành kịp thời,

theo hướng phục vụ yêu cầu khách hàng là hàng đầu, điều chỉnh giá bán phù hợp theo diễn biến thị trường... để mang lại hiệu quả tốt nhất.

- Việc thực hiện giao khoán tiền lương và chế độ thưởng cho người lao động công ty theo KQSXKD (theo sản phẩm tiêu thụ) là phù hợp, mức thu nhập người lao động ổn định, thu nhập bình quân theo sản phẩm đạt 13,4 triệu đ/người/tháng, đạt 111,7% kế hoạch. Trong năm không xảy ra tranh chấp nào giữa người sử dụng lao động và người lao động.

Công ty duy trì hài hòa lợi ích giữa cổ đông, các đối tác hợp tác sản xuất kinh doanh, quyền lợi của người lao động, tích lũy nguồn vốn để phát triển.

Về công bố thông tin: Công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, công bố đầy đủ các thông tin định kỳ theo quý, bán niên, thường niên và các thông tin bất thường khác. Người nội bộ tuân thủ việc công bố thông tin liên quan của cá nhân cũng như của người liên quan.

Năm 2024, Ban kiểm soát không có nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo, không thấy điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và lãnh đạo quản lý tại các cơ sở trực thuộc của Công ty.

2.4 Kết luận và kiến nghị

Năm 2024 Ban kiểm soát thường xuyên phối hợp với HĐQT và Ban Tổng giám đốc để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của mình và đạt kết quả tốt trong công tác kiểm tra giám sát các hoạt động trong toàn Công ty.

Năm 2025, Ban kiểm soát kiến nghị:

- Trước tình hình một số vấn đề về giấy tờ pháp lý tại các mỏ còn đang vướng mắc, đề nghị công ty tích cực triển khai thực hiện để hoàn thiện các giấy tờ pháp lý, để các hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, không gián đoạn.

- Tích cực trong việc thu hồi công nợ khách hàng, tìm giải pháp cho khoản công nợ tồn đọng của Công ty Phú Mỹ An.

- Công ty cần tiếp tục nghiên cứu, phân tích để việc đầu tư tài chính vào các Công ty trên thị trường đạt kết quả tốt hơn, nghiên cứu các lĩnh vực đầu tư khác để mở rộng qui mô và sự phát triển bền vững.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm soát để hạn chế tối đa rủi ro trong việc sản xuất kinh doanh.

- Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cần bám sát tình hình thị trường và cân đối tình hình đầu tư tài chính nhằm đảm bảo hiệu quả trong công tác sử dụng vốn của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

a. Thù lao Hội đồng quản trị:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024, tổng mức thù lao của HĐQT năm 2023 là 2% lợi nhuận sau thuế = 1.034.132.000 đồng. Phân bổ như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số	Số tiền thù lao (đ)	Ghi chú
1	Cao Trường Thụ	Chủ tịch HĐQT	1,2	238.652.000	Chưa trừ thuế TNCN
2	Trịnh Tiến Bảy	Nguyên TV- HĐQT; Nguyên Tổng Giám đốc	0,25	198.870.000	Chưa trừ thuế TNCN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

		<i>(Miễn nhiệm 13/03/2024)</i>			
3	Nguyễn Văn Lương	TV- HĐQT: Tổng Giám đốc <i>(Bổ nhiệm 13/03/2024)</i>	1	49.720.000	Chưa trừ thuế TNCN
4	Nguyễn Tấn Lộc	TV- HĐQT độc lập	1	198.870.000	Chưa trừ thuế TNCN
5	Mai Hoàng Nguyên	TV- HĐQT độc lập	1	198.870.000	Chưa trừ thuế TNCN
6	Nguyễn Văn Phúc	TV- HĐQT (25/04/2024)	0,75	149.150.000	Chưa trừ thuế TNCN
	Tổng cộng			1.034.132.000	

Trong năm HĐQT không phát sinh chi phí khác.

b. Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác năm 2024.

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương (đ)	Thưởng (đ)	Tiền quyết toán thuế TNCN
1	Nguyễn Văn Lương	TV- HĐQT: Tổng Giám đốc <i>(Bổ nhiệm 13/03/2024)</i>	569.510.330	152.790.000	(172.109.70 0)
2	Trịnh Đình Trọng	Phó Tổng giám đốc <i>(Bổ nhiệm 09/04/2024)</i>	351.346.000	87.437.000	(31.579.305)
3	Đỗ Văn Ngọc	Kế toán trưởng	364.122.050	123.300.000	(33.393.850)

c. Thù lao và các chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Theo Nghị quyết ĐHCĐ 2024, tổng số tiền thù lao BKS là 288.000.000đ và được phân chia như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền thù lao (đ)	Ghi chú
1	Phạm Việt Thắng	Trưởng ban	120.000.000	Chưa trừ thuế TNCN
2	Đặng Xuân Long	Thành viên	84.000.000	Chưa trừ thuế TNCN
3	Trần Quốc Trung	Thành viên	84.000.000	Chưa trừ thuế TNCN
		Tổng cộng	288.000.000	

Trong năm Ban kiểm soát không phát sinh chi phí khác.

3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ :

a. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

- Ông Cao Trường Thụ - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hóa An.
- Tổng Công ty VLXD Số 1 - FICO - ông Cao Trường Thụ là Tổng Giám đốc.
- Ông Nguyễn Tấn Lộc - TV Hội đồng quản trị Công ty CP Hóa An.

b. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty.

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Tổng Công ty VLXD SỐ 1 – FICO	Cổ đông lớn/người có liên quan/	3.758.343	24,86%	3.058.343	20,23%	Bán
2	Tổng Công ty VLXD SỐ 1 – FICO	Cổ đông lớn/người có liên quan/	3.058.343	20,23%	3.588.343	24,38	Mua
3	Nguyễn Tấn Lộc	Người nội bộ	718.230	4,88%	1.105.746	7,51%	Mua

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: thực hiện đầy đủ theo các quy định pháp luật về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(xem từ trang tiếp theo)

1. Ý kiến kiểm toán.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ).

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Nơi nhận:

- UBCKNN, HOSE;
- Lưu: VT.

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Lương

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

NỘI DUNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2-3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

4 - 5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng Cân đối kế toán tổng hợp

6-7

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

8

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

9

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

10 - 35



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

20C, Khu phố Cầu Hang, phường Hoà An, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa An trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa An (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 47/2000/QĐ-TTg ngày 18/4/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Khai thác đá và Vật liệu Xây dựng Hóa An thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600464464 (số cũ là 4703000008), được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 08/6/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 28/3/2024.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 28/3/2024 là 151.199.460.000 VND (Bằng chữ: Một trăm năm mươi một tỷ, một trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Hoa An Joint Stock Company.

Cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: DHA.

Địa chỉ trụ sở chính: 20C, Khu phố Cầu Hang, phường Hoà An, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Trường Thụ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Lương	Thành viên
Ông Trịnh Tiến Bảy	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 25/4/2024)
Ông Mai Hoàng Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Lộc	Thành viên
Nguyễn Văn Phúc	Thành viên (Bầu từ ngày 25/4/2024)

Ban Kiểm soát

Ông Phạm Việt Thắng	Trưởng ban
Ông Trần Quốc Trung	Thành viên
Ông Đặng Xuân Long	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Lương	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 13/3/2024)
Ông Trịnh Tiến Bảy	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 13/3/2024)
Ông Trịnh Đình Trọng	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 09/4/2024)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên của Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Lương

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Số: 115/2025/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa An**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa An được lập ngày 17/3/2025, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa An tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy ủy quyền số 04/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Lưu Minh Tới**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		368.317.433.857	359.926.792.107
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	85.960.835.809	116.161.635.042
1. Tiền	111		21.960.835.809	37.161.635.042
2. Các khoản tương đương tiền	112		64.000.000.000	79.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	240.314.017.685	186.639.465.485
1. Chứng khoán kinh doanh	121		157.638.454.161	8.189.354.161
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(3.324.436.476)	(2.549.888.676)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		86.000.000.000	181.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.439.801.835	51.889.172.444
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	21.659.556.025	28.372.521.954
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	5.869.262.486	6.434.615.573
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	27.159.956.623	27.159.956.623
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	2.270.713.324	4.121.984.917
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.7	(19.519.686.623)	(14.199.906.623)
IV- Hàng tồn kho	140	5.8	64.650.000	2.261.731.935
1. Hàng tồn kho	141		632.726.166	2.829.808.101
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(568.076.166)	(568.076.166)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		4.538.128.528	2.974.787.201
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	435.949.583	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.725.536.012	2.383.383.583
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	1.376.642.933	591.403.618
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		102.128.755.166	109.169.165.244
I Các khoản phải thu dài hạn	210		10.535.311.658	10.005.930.366
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	10.535.311.658	10.005.930.366
II Tài sản cố định	220		43.948.773.241	45.365.135.684
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	16.736.643.382	13.181.417.453
- Nguyên giá	222		91.702.048.754	84.719.472.754
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.965.405.372)	(71.538.055.301)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	27.212.129.859	32.183.718.231
- Nguyên giá	228		97.797.141.259	97.797.141.259
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(70.585.011.400)	(65.613.423.028)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.140.058.801	21.140.058.801
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	21.140.058.801	21.140.058.801
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.459.840.000	8.459.840.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		510.000.000	510.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.969.840.000)	(8.969.840.000)
VI Tài sản dài hạn khác	260		26.504.611.466	32.658.040.393
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	26.504.611.466	32.658.040.393
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		470.446.189.023	469.095.957.351

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		43.239.895.336	58.327.753.502
I- Nợ ngắn hạn	310		36.524.473.442	51.926.646.930
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	7.346.971.915	10.531.906.067
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.772.484.507	3.057.424.162
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	6.484.431.160	21.500.417.638
4. Phải trả người lao động	314		7.918.188.834	10.609.298.546
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		383.530.486	654.271.668
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		98.615.000	98.615.000
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		6.520.251.540	5.474.713.849
II- Nợ dài hạn	330		6.715.421.894	6.401.106.572
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.15	6.715.421.894	6.401.106.572
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		427.206.293.687	410.768.203.849
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	427.206.293.687	410.768.203.849
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.199.460.000	151.199.460.000
- CP phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.199.460.000	151.199.460.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58.398.416.000	58.398.416.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(11.846.503.500)	(11.645.123.500)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		98.745.293.116	98.745.293.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		130.709.628.071	114.070.158.233
- LNST chưa PP lũy kế	421a		79.003.008.069	71.194.708.983
đến cuối năm trước				
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		51.706.620.002	42.875.449.250
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		470.446.189.023	469.095.957.351

Đồng Nai, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Đỗ Văn Ngọc

Nguyễn Văn Lương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	296.193.414.952	375.398.153.999
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		296.193.414.952	375.398.153.999
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	209.466.068.885	270.701.423.565
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		86.727.346.067	104.696.730.434
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	13.168.901.398	14.605.300.301
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.003.626.370	(25.269.908.060)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	21.000.000	77.214.991
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	23.261.344.287	30.422.741.042
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		75.610.276.808	114.071.982.762
11. Thu nhập khác	31	6.6	4.275.000	17.100.000
12. Chi phí khác	32	6.6	7.344.063.982	4.189.720.069
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(7.339.788.982)	(4.172.620.069)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		68.270.487.826	109.899.362.693
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	16.563.867.824	22.845.694.443
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		51.706.620.002	87.053.668.250
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	3.512	5.530

Người lập

Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc







Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Đỗ Văn Ngọc

Nguyễn Văn Lương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		68.270.487.826	109.899.362.693
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		8.398.938.443	8.242.589.677
- Các khoản dự phòng	03		6.545.005.483	(19.239.070.280)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(13.168.901.398)	(14.605.300.301)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		70.045.530.354	84.297.581.789
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.374.677.057	17.681.321.829
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.197.081.935	(2.197.081.935)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(22.734.257.228)	6.510.051.101
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.717.479.344	7.680.509.098
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(149.449.100.000)	80.345.050.492
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(18.930.547.784)	(22.449.558.552)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		1.045.537.691	(2.843.094.304)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(101.733.598.631)	169.024.779.518
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(6.982.576.000)	(447.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	74.544.698
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(205.000.000.000)	(336.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		300.000.000.000	325.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.168.901.398	14.605.300.301
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		101.186.325.398	3.232.844.999
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29.452.146.000)	(116.993.625.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.653.526.000)	(116.993.625.700)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(30.200.799.233)	55.263.998.817
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		116.161.635.042	60.897.636.225
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	85.960.835.809	116.161.635.042

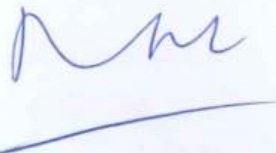
Đồng Nai, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Đỗ Văn Ngọc

Nguyễn Văn Lương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa An được thành lập theo Quyết định số 47/2000/QĐ-TTg ngày 18/4/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Khai thác đá và Vật liệu Xây dựng Hóa An thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600464464 (số cũ là 4703000008) được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 08/6/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 28/3/2024.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 28/3/2024 là 151.199.460.000 VND (Bằng chữ: Một trăm năm mươi một tỷ, một trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Hoa An Joint Stock Company.

Cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: DHA.

Địa chỉ trụ sở chính: 20C, Khu phố Cầu Hang, phường Hoá An, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 108 người (tại ngày 31/12/2023: 115 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Xây dựng công trình đường bộ.
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.
- Bốc xếp hàng hóa.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác.
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Đại lý du lịch.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu.
- Xây dựng nhà để ở.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<i>Công ty liên kết</i>					
Công ty Cổ phần Cơ khí Tân định - FICO	Lô E, Đường số 2B, KCN Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	Gia công cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng	28,13%	28,13%	28,13%

Các đơn vị trực thuộc gồm:

<u>Tên đơn vị trực thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa An tại Biên Hòa	Phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa An tại Bình Phước	xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa An tại Vĩnh Cửu	xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc kế toán tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định chế độ kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Giá trị quyền sử dụng đất thuộc mỏ đá Thạnh Phú 2, xã Thiên Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; Giá trị quyền sử dụng đất thuộc mỏ đá Núi Gió tại xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước và giá trị quyền sử dụng đất thuộc mỏ đá Tân Cang 3 tại khu phố Thiên Bình, phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí bóc đất tầng phủ

Chi phí bóc đất tầng phủ thể hiện số tiền Công ty đã bỏ ra để thực hiện bóc bề mặt đất của các mỏ đá mà Công ty đang khai thác. Chi phí bóc đất tầng phủ được phân bổ dần từ 03 – 15 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí làm đường và thăm dò trữ lượng

Chi phí làm đường và thăm dò trữ lượng là các chi phí Công ty bỏ ra để thực hiện việc khai thác đá và được phân bổ từ 03 đến 20 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả với Công ty liên doanh, liên kết của Công ty mẹ).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí liên quan đến tiền điện sản xuất, chi phí vật tư sửa chữa và các chi phí trích trước khác: Trích trước khi thực tế đã phát sinh nhưng Công ty chưa nhận được hóa đơn chứng từ liên quan.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính hoặc tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là chi phí hoàn nguyên môi trường được trích trước dựa trên phương án phục hồi môi trường đã được Nhà nước phê duyệt với thời gian chi trả là vào thời điểm thực tế thực hiện phương án.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của Chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Thông báo của Công ty về thời gian chi trả Cổ tức.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng chủ yếu là bán đá xây dựng.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, thành phẩm đã bán trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào đơn vị khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác được áp dụng với mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo khu vực địa lý là các chi nhánh đang hoạt động theo khu vực địa lý trên lãnh thổ Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	822.188.168	2.563.699.364
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.138.647.641	34.597.935.678
Các khoản tương đương tiền (i)	64.000.000.000	79.000.000.000
Tổng	85.960.835.809	116.161.635.042

(i) Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai có kỳ hạn không quá 3 tháng với lãi suất từ 3,9% - 4,4%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kế thúc ngày 31/12/2024

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
1. Đầu tư vào cổ phiếu						
Tổng giá trị cổ phiếu	155.492.454.161	164.778.191.200	(2.945.162.961)	6.043.354.161	3.872.739.000	(2.170.615.161)
Trong đó chủ yếu:						
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (i)	6.043.354.161	3.098.191.200	(2.945.162.961)	6.043.354.161	3.872.739.000	(2.170.615.161)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa (i)	149.449.100.000	161.680.000.000	-	-	-	-
2. Các khoản đầu tư khác	2.146.000.000		(379.273.515)	2.146.000.000		(379.273.515)
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Phú Yên	2.146.000.000	(ii)	(379.273.515)	2.146.000.000	(ii)	(379.273.515)
Tổng	157.638.454.161		(3.324.436.476)	8.189.354.161		(2.549.888.676)

- (i) Công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 31/12/2024 và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.
- (ii) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết trên thị trường do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kế thúc ngày 31/12/2024

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đến hạn (iii)

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng

Tổng

31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
86.000.000.000	86.000.000.000	181.000.000.000	181.000.000.000
86.000.000.000	86.000.000.000	181.000.000.000	181.000.000.000
86.000.000.000	86.000.000.000	181.000.000.000	181.000.000.000

(iii) Hợp đồng tiền gửi tại các Ngân hàng có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 5,2% - 5,6 %/năm.

c. Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Tỷ lệ Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên kết			8.459.840.000	8.459.840.000 (8.459.840.000)
Công ty Cổ phần Cơ khí Tân định - FICO	28%	28%	8.459.840.000	(iv) 8.459.840.000 (8.459.840.000)
Đầu tư vào đơn vị khác			510.000.000	510.000.000 (510.000.000)
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	0,2%	0,2%	510.000.000	(iv) 510.000.000 (510.000.000)
Tổng			8.969.840.000	(8.969.840.000) (8.969.840.000)

(iv) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết trên thị trường do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CHỖ
K
CP
H.S.P

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đá Thanh Phú	8.289.061.300	9.020.570.694
Công ty Cổ phần Thiên Phát	6.300.000.000	6.920.000.000
Công ty TNHH Khai thác đá Lê Thu	3.373.545.039	3.498.383.749
Công ty Cổ phần Khai thác đá Hà Nam	1.430.000.000	2.050.000.000
Các đối tượng khác	2.266.949.686	6.883.567.511
Tổng	21.659.556.025	28.372.521.954

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Khai Thác Đá Lê Thu	4.445.233.412	4.532.133.412
Liên hiệp khoa học sản xuất địa chất Nam Bộ	366.676.800	1.036.659.252
Các đối tượng khác	1.057.352.274	865.822.909
Tổng	5.869.262.486	6.434.615.573

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Phú Mỹ An - Hà Nội (i)	26.598.900.000	26.598.900.000
Các đối tượng khác	561.056.623	561.056.623
Tổng	27.159.956.623	27.159.956.623

(i) Đây là khoản phải thu về vốn góp đầu tư xây dựng tòa nhà thương mại, văn phòng và căn hộ với Công ty TNHH Phú Mỹ An - Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 86/2017/HĐHTKD ngày 31/05/2017 với giá trị ban đầu là 30.000.000.000 VND. Theo hợp đồng sau 6 tháng Công ty được quyền rút vốn và hưởng lợi tức cố định là 11%/ năm. Vào ngày 17/4/2018, hai bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh trên theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 86/2017/HĐHTKD. Theo biên bản làm việc với Công ty TNHH Phú Mỹ An - Hà Nội lần gần nhất là ngày 25/11/2022, Công ty TNHH Phú Mỹ An - Hà Nội sẽ thanh toán hết số tiền còn nợ trong năm 2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.6 Phải thu khác

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Tạm ứng	2.270.713.324	(339.400.000)	4.121.984.917	(339.400.000)
Tiền gốc và lãi cho vay	224.277.050	-	509.173.650	-
Các khoản khác	564.588.000	(339.400.000)	659.588.000	(339.400.000)
	1.481.848.274	-	2.953.223.267	-
<i>b) Dài hạn</i>				
Ký quỹ phục hồi môi trường	10.535.311.658	-	10.005.930.366	-
	10.535.311.658	-	10.005.930.366	-
Tổng	12.806.024.982	(339.400.000)	14.127.915.283	(339.400.000)

5.7 Nợ xấu

	31/12/2024 (VND)				01/01/2024 (VND)			
	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi		27.499.356.623	(19.519.686.623)	7.979.670.000		27.499.356.623	(14.199.906.623)	13.299.450.000
Ông Trần Kim Thi	Lớn hơn 3 năm	900.456.623	(900.456.623)	-	Lớn hơn 3 n	900.456.623	(900.456.623)	-
Công ty TNHH Phú Mỹ An - Hà Nội	Lớn hơn 3 năm	26.598.900.000	(18.619.230.000)	7.979.670.000	Lớn hơn 3 n	26.598.900.000	(13.299.450.000)	13.299.450.000
Tổng		27.499.356.623	(19.519.686.623)	7.979.670.000		27.499.356.623	(14.199.906.623)	13.299.450.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kế thúc ngày 31/12/2024

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	632.726.166	(568.076.166)	632.726.166	(568.076.166)
Thành phẩm	-	-	2.197.081.935	-
Tổng	632.726.166	(568.076.166)	2.829.808.101	(568.076.166)

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2024	29.332.621.306	45.333.574.716	9.763.813.052	289.463.680	84.719.472.754
Tăng trong năm	467.520.000	1.959.365.000	4.555.691.000	-	6.982.576.000
Mua trong năm	467.520.000	1.959.365.000	4.555.691.000	-	6.982.576.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	29.800.141.306	47.292.939.716	14.319.504.052	289.463.680	91.702.048.754
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2024	26.739.847.383	37.995.819.448	6.545.564.790	256.823.680	71.538.055.301
Tăng trong năm	494.953.143	1.999.831.844	916.245.084	16.320.000	3.427.350.071
Khấu hao trong năm	494.953.143	1.999.831.844	916.245.084	16.320.000	3.427.350.071
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	27.234.800.526	39.995.651.292	7.461.809.874	273.143.680	74.965.405.372
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	2.592.773.923	7.337.755.268	3.218.248.262	32.640.000	13.181.417.453
Tại ngày 31/12/2024	2.565.340.780	7.297.288.424	6.857.694.178	16.320.000	16.736.643.382

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2024 là 34.893.506.676 VND (tại ngày 31/12/2023 là 33.735.672.584 VND).

11/12/2024
H. AN
T. AN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	97.797.141.259	97.797.141.259
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	<u>97.797.141.259</u>	<u>97.797.141.259</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	65.613.423.028	65.613.423.028
Tăng trong năm	4.971.588.372	4.971.588.372
Khấu hao trong năm	4.971.588.372	4.971.588.372
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2024	<u>70.585.011.400</u>	<u>70.585.011.400</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2024	<u>32.183.718.231</u>	<u>32.183.718.231</u>
Tại ngày 31/12/2024	<u>27.212.129.859</u>	<u>27.212.129.859</u>

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Điểm du lịch và nhà ở Hóa An (i)	4.087.439.696	4.087.439.696
Đầu tư mỏ đá Núi Gió (i)	248.058.177	248.058.177
Chi phí mua đất mỏ đá Tân Cang 3 (i)	8.080.644.400	8.080.644.400
Chi phí mua đất khu phụ trợ Mỏ đá		
Thạnh Phú 2 (i)	1.840.685.107	1.840.685.107
Chi phí xây dựng Mỏ đá Tân Cang 3 (i)	6.883.231.421	6.883.231.421
Tổng	<u>21.140.058.801</u>	<u>21.140.058.801</u>

(i) Đây là các Chi phí Công ty mua đất, đền bù đất trong khu vực khai thác mỏ (đất giáp ranh của các mỏ) đã nằm trong phần diện tích quy hoạch khai thác. Hiện tại, Công ty đang thực hiện hoàn thiện các hồ sơ pháp lý cũng như chờ các quyết định của Cơ quan nhà nước để thực hiện tiếp tục dự án. Chi tiết thời hạn cấp quyền khai thác các Mỏ đá của Công ty đang được trình bày tại Thuyết minh số 7.1

5.12 Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	435.949.583	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	435.949.583	-
b) Dài hạn	26.504.611.466	32.658.040.393
Chi phí bóc tầng phủ mỏ đá	12.075.543.963	15.890.122.675
Chi phí thuê đất	7.702.906.408	8.632.101.712
Chi phí làm đường và thăm dò trữ lượng	3.316.484.315	5.401.777.516
Chi phí đền bù, di dời nhà văn phòng, nhà kho tại mỏ đá Tân Cang 3	487.200.611	645.211.607
Các khoản chi phí trả trước khác	2.922.476.169	2.088.826.883
Tổng	<u>26.940.561.049</u>	<u>32.658.040.393</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kế thúc ngày 31/12/2024

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
5.085.222.062	5.085.222.062	7.854.653.579	7.854.653.579
1.130.651.832	1.130.651.832	1.194.892.848	1.194.892.848
1.131.098.021	1.131.098.021	1.482.359.640	1.482.359.640
7.346.971.915	7.346.971.915	10.531.906.067	10.531.906.067

Công ty TNHH MTV Đá Thanh Phú
Công ty TNHH MTV Tân Phú Thạnh
Các đối tượng khác
Tổng

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

01/01/2024 VND		Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2024 VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng		78.844.352.780	93.860.339.258	6.484.431.160
Thuế thu nhập doanh nghiệp		16.006.004.756	16.439.235.463	1.322.240.238
Thuế thu nhập cá nhân		17.497.193.851	18.930.547.784	1.983.354.821
Thuế tài nguyên		2.476.728.005	3.735.871.427	472.543.390
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		16.651.086.300	17.800.148.369	1.677.203.220
Thuế môn bài		7.934.023.237	7.934.023.237	-
Phí bảo vệ môi trường		6.000.000	6.000.000	-
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản		15.089.371.109	15.669.106.572	1.029.089.491
Các loại thuế khác		3.183.945.522	9.280.450.843	-
Phải thu		-	4.064.955.563	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất		591.403.618	785.239.315	1.376.642.933
		591.403.618	785.239.315	1.376.642.933



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.15 Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự phòng hoàn nguyên môi trường	6.715.421.894	6.401.106.572
Tổng	6.715.421.894	6.401.106.572

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kế thúc ngày 31/12/2024

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	151.199.460.000	58.398.416.000	(11.645.123.500)	98.745.293.116	145.668.142.732	442.366.188.348
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	87.053.668.250	87.053.668.250
Chia cổ tức 2022	-	-	-	-	(73.630.365.000)	(73.630.365.000)
Trích thù lao HĐQT	-	-	-	-	(555.068.749)	(555.068.749)
Trích thù lao BKS	-	-	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2023	-	-	-	-	(44.178.219.000)	(44.178.219.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023	151.199.460.000	58.398.416.000	(11.645.123.500)	98.745.293.116	114.070.158.233	410.768.203.849
Số dư tại ngày 01/01/2024	151.199.460.000	58.398.416.000	(11.645.123.500)	98.745.293.116	114.070.158.233	410.768.203.849
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	51.706.620.002	51.706.620.002
Chia cổ tức 2023 (i)	-	-	-	-	(29.452.146.000)	(29.452.146.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	(4.352.683.000)	(4.352.683.000)
Trích thù lao HĐQT (i)	-	-	-	-	(1.058.321.164)	(1.058.321.164)
Trích thù lao BKS (i)	-	-	-	-	(204.000.000)	(204.000.000)
Tặng khác	-	-	(201.380.000)	-	-	(201.380.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	151.199.460.000	58.398.416.000	(11.846.503.500)	98.745.293.116	130.709.628.071	427.206.293.687

(i) Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ-CyCPHA ngày 25/4/2024 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên như sau:

- Trích quỹ Phúc lợi xã hội là: 1.741.073.000 VND.
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 2.611.610.000 VND.
- Trích thù lao HĐQT là: 1.058.321.164 VND.
- Trích thù lao BKS là: 204.000.000 VND.
- Chia cổ tức: 50% trên vốn điều lệ, trong đó: Cổ tức năm 2023 đã tạm ứng đợt 1 30% với số tiền là : 44.178.219.000 VND, số Cổ tức còn lại của năm 2023 tương ứng với 20% là : 29.452.146.000 VND. Công ty đã thanh toán đủ cho Cổ đông số Cổ tức nêu trên trong năm 2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu:

Đối tượng	Tại 31/12/2024			Tại 01/01/2024		
	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị (VND)
Tổng Công ty vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP	23,73%	3.588.343	35.883.430.000	24,86%	3.758.343	37.583.430.000
Bà La Mỹ Phụng	9,13%	1.381.100	13.811.000.000	9,13%	1.381.100	13.811.000.000
Các tổ chức và cá nhân khác	67,14%	10.150.503	101.505.030.000	66,01%	9.980.503	99.805.030.000
Tổng	100%	15.119.946	151.199.460.000	100%	15.119.946	151.199.460.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	151.199.460.000	151.199.460.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	151.199.460.000	151.199.460.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	29.452.146.000	117.808.584.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	15.119.946	15.119.946
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.119.946	15.119.946
Cổ phiếu phổ thông	15.119.946	15.119.946
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(398.873)	(393.873)
Cổ phiếu phổ thông	(398.873)	(393.873)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.721.073	14.726.073
Cổ phiếu phổ thông	14.721.073	14.726.073
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Quỹ đầu tư phát triển

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	98.745.293.116	98.745.293.116
Tổng	98.745.293.116	98.745.293.116

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán đá vật liệu xây dựng	296.193.414.952	375.398.153.999
Tổng	296.193.414.952	375.398.153.999

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán đá vật liệu xây dựng	209.466.068.885	270.701.423.565
Tổng	209.466.068.885	270.701.423.565

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.744.269.994	14.091.451.636
Cổ tức, lợi nhuận được chia	238.322.400	357.483.600
Doanh thu hoạt động tài chính khác	186.309.004	156.365.065
Tổng	13.168.901.398	14.605.300.301

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Dư phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	774.547.800	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(33.122.274.492)
Lỗ bán chứng khoán kinh doanh	-	7.734.475.492
Chi phí tài chính khác	229.078.570	117.890.940
Tổng	1.003.626.370	(25.269.908.060)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.5 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí bán hàng	21.000.000	77.214.991
Chi phí bằng tiền khác	21.000.000	77.214.991
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.261.344.287	30.422.741.042
Chi phí nhân viên quản lý	8.026.717.165	9.821.009.306
Chi phí vật liệu quản lý	768.851.778	511.195.003
Chi phí khấu hao TSCĐ	932.565.084	843.240.984
Thuế phí và lệ phí	1.251.952.818	191.786.070
Chi phí dự phòng	5.319.780.000	13.299.450.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	167.034.755	134.888.927
Chi phí bằng tiền khác	6.794.442.687	5.621.170.752
Tổng	23.282.344.287	30.499.956.033

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập khác		
Các khoản khác	4.275.000	17.100.000
Tổng	4.275.000	17.100.000
Chi phí khác		
Chi phí thuế TN và BVMT do tính toán bổ sung	7.294.576.336	-
Phạt vi phạm hành chính	4.237.722	4.064.955.563
Các khoản khác	45.249.924	124.764.506
Tổng	7.344.063.982	4.189.720.069
Lợi nhuận khác	(7.339.788.982)	(4.172.620.069)

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.679.738.983	25.564.909.378
Chi phí nhân công	25.995.709.679	33.052.997.048
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.398.938.443	8.242.589.677
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136.480.293.237	178.741.094.956
Chi phí khác bằng tiền	45.193.732.830	55.599.788.539
Tổng	232.748.413.172	301.201.379.598

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	68.270.487.826	109.899.362.693
- Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	14.787.173.689	4.686.593.114
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	4.237.722	4.064.955.563
+ Chi phí không được trừ	14.782.935.967	621.637.551
- Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	-
Thu nhập chịu thuế	83.057.661.515	114.585.955.807
Thu nhập miễn thuế	238.322.400	357.483.600
+ Cổ tức được chia	238.322.400	357.483.600
Thu nhập tính thuế	82.819.339.115	114.228.472.207
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.563.867.824	22.845.694.443

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	51.706.620.002	87.053.668.250
Các khoản điều chỉnh giảm:		
Thù lao HĐQT, BKS và Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(5.615.004.164)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	51.706.620.002	81.438.664.086
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	14.721.073	14.726.073
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.512	5.530

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, chi thù lao thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Quản lý Điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Quản lý Điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Trình bày lại Chi tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi thù lao thành viên HĐQT, Ban kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2024 như được trình bày tại Thuyết minh số 5.16. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trình bày lại như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

	Số đã trình bày trên báo cáo năm trước	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	87.053.668.250	87.053.668.250	-
Các khoản điều chỉnh giảm:			
Thù lao HĐQT, BKS và Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(5.615.004.164)	(5.615.004.164)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	87.053.668.250	81.438.664.086	(5.615.004.164)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	14.726.073	14.726.073	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.912	5.530	(382)

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin tài chính khác

Các mỏ đá Công ty đang được cấp phép khai thác và thời gian sử dụng như sau:

<u>Mỏ đá</u>	<u>Địa điểm</u>	<u>Pháp lý</u>	<u>Thời hạn sử dụng đến</u>
Tân Cang 3	phường Phước Tân và phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Quyết định số 2773/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cho phép khai thác mỏ đá xây dựng Tân Cang 3 thuộc phường Phước Tân và phường Tam Phước thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 30/6/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cho phép khai thác mỏ đá xây dựng Tân Cang 3 thuộc phường Phước Tân và phường Tam Phước thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cho phép khai thác mỏ đá xây dựng Tân Cang 3 thuộc phường Phước Tân và phường Tam Phước thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	30/6/2037

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN20C Khu phố Cầu Hang, phường Hóa An,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin tài chính khác (Tiếp theo)

Các mỏ đá Công ty đang được cấp phép khai thác và thời gian sử dụng như sau:

<u>Mỏ đá</u>	<u>Địa điểm</u>	<u>Pháp lý</u>	<u>Thời hạn sử dụng đến</u>
Thanh Phú 2	xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 06/5/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cho phép Công ty Cổ phần Hóa An khai thác đá xây dựng tại Mỏ đá Thanh Phú 2, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Giấy phép khai thác khoáng sản đá xây dựng số 3221/GP-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai.	01/03/2027
Núi gió 2	xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	Giấy phép khai thác khoáng sản đá xây dựng số 55/GP-UBND ngày 15/8/2002 của UBND tỉnh Bình Phước cấp cho Công ty Cổ phần Hóa An; Giấy phép khai thác khoáng sản đá xây dựng số 54/GP-UBND ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh Bình Phước cấp cho Công ty Cổ phần Hóa An;	14/10/2040

7.2 Thông tin các bên liên quan**a. Danh sách bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP	Cổ đông lớn
Các cá nhân quản lý (Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc) và người thân cận của các cá nhân này.	Ảnh hưởng đáng kể

b. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thù lao và lợi ích khác của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

<u>Bên liên quan</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>
Ông Cao Trường Thụ	Chủ tịch	250.425.000	515.333.000
Ông Trịnh Tiến Bảy	Nguyên thành viên/ Nguyên Tổng Giám đốc	881.988.000	1.290.183.150
Ông Nguyễn Văn Lương	Thành viên/ Tổng Giám đốc	1.150.527.000	889.021.130
Ông Mai Hoàng Nguyên	Thành viên	209.522.000	430.278.000
Ông Nguyễn Tấn Lộc	Thành viên	209.522.000	430.278.000
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên	140.000.000	-
Tổng		2.841.984.000	3.555.093.280

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Thông tin các bên liên quan (Tiếp theo)

Thù lao và lợi ích khác của Ban Kiểm soát

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Phạm Việt Thắng	Trưởng Ban kiểm soát	120.000.000	180.000.000
Ông Trần Quốc Trung	Thành viên	84.000.000	126.000.000
Ông Đặng Xuân Long	Thành viên	84.000.000	126.000.000
Tổng		288.000.000	432.000.000

Thu nhập và lợi ích khác của Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Trịnh Đình Trọng	Phó Tổng Giám đốc	507.222.000	-
Ông Đỗ Văn Ngọc	Kế toán trưởng	548.688.000	597.175.000
Tổng		1.055.910.000	597.175.000

b. Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giao dịch khác			
Tổng Công ty VLXD số 1 - CTCP	Chia cổ tức	6.116.686.000	30.066.744.000
Ông Trịnh Tiến Bảy	Chia cổ tức	-	251.900.000
Ông Nguyễn Tấn Lộc	Chia cổ tức	1.436.460.000	5.745.840.000
Ông Nguyễn Văn Lương	Chia cổ tức	275.480.000	1.459.520.000
Tổng		7.828.626.000	37.524.004.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN20C Khu phố Cầu Hang, phường Hóa An,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Báo cáo bộ phận

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo địa bàn kinh doanh của Công ty gồm: Chi nhánh Vĩnh Cửu, Chi nhánh Biên Hòa và Chi nhánh Bình Phước:

*Đơn vị tính : Nghìn đồng.***Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024**

	Vĩnh Cửu	Biên Hòa	Bình Phước	Tổng
Tổng doanh thu	90.928.219	156.383.210	48.881.985	296.193.415
Kết quả kinh doanh bộ phận				
Lợi nhuận gộp	22.043.033	48.081.340	16.602.973	86.727.346
Doanh thu hoạt động tài chính				13.168.901
Chi phí tài chính (không phân bổ)				(1.003.626)
Chi phí bán hàng				(21.000)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(23.261.344)
Lợi nhuận khác				(7.339.789)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				68.270.488
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(16.563.868)
Lợi nhuận trong năm				51.706.620

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận kết thúc tại ngày 31/12/2024

	Vĩnh Cửu	Biên Hòa	Bình Phước	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản bộ phận	38.466.739	30.489.219	12.533.924	81.489.881
Tài sản không thể phân bổ				388.956.308
Tổng tài sản				470.446.189
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	1.201.008	1.214.103	1.613.422	4.028.533
Nợ phải trả không phân bổ				39.211.362
Tổng nợ phải trả				43.239.895

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

	Vĩnh Cửu	Biên Hòa	Bình Phước	Tổng
Tổng doanh thu	164.722.645	159.330.644	51.344.865	375.398.154
Kết quả kinh doanh bộ phận				
Lợi nhuận gộp	41.218.389	45.882.759	17.595.583	104.696.731
Doanh thu hoạt động tài chính				14.605.300
Chi phí tài chính (không phân bổ)				25.269.908
Chi phí bán hàng				(77.215)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(30.422.741)
Lợi nhuận khác				(4.172.620)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				109.899.362
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(22.845.694)
Lợi nhuận trong năm				87.053.668

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận kết thúc tại ngày 31/12/2023

	Vĩnh Cửu	Biên Hòa	Bình Phước	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản bộ phận	46.449.753	38.038.082	14.286.359	98.774.194
Tài sản không thể phân bổ				370.321.763
Tổng tài sản				469.095.957
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả bộ phận	3.103.417	2.123.609	963.535	6.190.561
Nợ phải trả không phân bổ				52.137.192
Tổng nợ phải trả				58.327.753

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Kế toán trưởng



Đỗ Văn Ngọc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 3 năm 2025
Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Lương

